



Bộ sách chuyên đề về văn hóa trang phục Tây Tạng

ཡི་ཤུ་སྐྱོ་རྒྱུ་ལ་བྱུང་།

TRANG PHỤC MỘC NHÃ

Tiếng Việt

Bảo tàng văn hóa trang phục Tây Tạng, Lô Hoắc Đức Đạt (Drago Deda)



TRANG PHỤC MỘC NHÀ

Tiếng Việt

Bảo tàng văn hóa trang phục Tây Tạng, Lô Hoắc Đức Đạt (Drago Deda)

Dẫn nhập

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại, ngôn ngữ, ẩm thực và trang phục luôn là linh hồn của các nền văn hóa dân tộc khác nhau. Một khi những biểu tượng văn hóa này biến mất thì dù thuộc quốc gia nào, chúng cũng sẽ trở nên vô dụng. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của toàn cầu hóa, văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đã trải qua những thay đổi to lớn trong một thời gian ngắn, thậm chí đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Văn hóa hiện đại ảnh hưởng khắp mọi nơi, tới cả những nơi hẻo lánh của Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng không thể cưỡng lại những cám dỗ chưa từng có này và dần dần từ bỏ lối sống truyền thống của mình và theo đuổi những thời trang thô tục và độc nhất. Kết quả là những truyền thống tốt đẹp đã bị lãng quên, văn hóa dân tộc trở nên không thể nhận biết được. Quần áo thời thơ ấu của chúng ta và phong tục của ông bà tổ tiên chúng ta sẽ biến mất chỉ sau vài thập kỷ, và những người già lưu giữ những kỷ ức cũng đang qua đời. Trước thực trạng đó, tôi vô cùng đau buồn, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi quyết định đóng góp một phần nhỏ vào việc cứu vớt và bảo vệ văn hóa truyền thống bằng trang phục cổ truyền.

Trang phục của người Tây Tạng có các yếu tố phong phú và đầy màu sắc, màu sắc của chúng phản ánh thế giới tự nhiên: màu xanh lam tượng trưng cho bầu trời xanh và hồ nước, màu đỏ tượng trưng cho ngọn lửa, màu vàng tượng trưng cho trái đất, màu xanh lá cây tượng trưng cho đồng cỏ... Thiên nhiên mang đến cho con người những nguồn năng lượng khác nhau. Ngoài ra, thất bảo thường thấy trong trang sức của người Tây Tạng như vàng, bạc, san hô, mã não và hổ phách không chỉ có tác dụng trang trí mà còn được cho là có sức mạnh xua đuổi tà ma, bảo vệ cơ thể, và duy trì sức khỏe.

Môi trường tự nhiên của Tây Tạng cũng có tác động sâu sắc đến trang phục của các vùng miền khác nhau. Ở những vùng chăn thả trên cao, người dân chủ yếu mặc áo choàng da dày; ở những vùng bán nông nghiệp và bán chăn thả, chất liệu quần áo chủ yếu là len Tây Tạng và các chất liệu khác; ở những vùng nông nghiệp vùng thấp, quần áo chủ yếu làm bằng vải nhẹ. Có thể thấy, trang phục không chỉ là hiện thân của văn hóa mà còn là sự kết tinh trí tuệ của con người trong việc thích nghi với môi trường sống.

Ngoài ra, tổ tiên từng nói rằng trang phục Tây Tạng là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm - Tạng Tán Cán Bố, hóa thân của Bồ Tát Văn Thù - Xích Tạng Đức Tán, hóa thân của Bồ Tát Kim Cang Thủ - Xích Nhiệt Ba Kiên và các thế hệ Tán phổ¹, cũng như các Bồ đề tát đỏa đại thành tựu như Liên Hoa Sinh Đại sĩ, Bồ Mã Mạc Trát gia trì và truyền thừa xuống các đời. Mặc trang phục dân tộc thuần khiết này không chỉ có thể xua tan cái lạnh, giữ ấm cơ thể và trang trọng mà còn mang theo sự phù hộ thiêng liêng của Bồ tát.

Để bảo vệ và kế thừa văn hóa trang phục Tây Tạng, vào tháng 1 năm 2018, tôi đã thành lập Bảo tàng Văn hóa trang phục Tây Tạng Đức Đạt, đầu tư rất nhiều nhân lực, vật lực và tài chính, đồng thời cử người đến Kham, Amdo, Ü-Tsang và những nơi khác nhiều lần để sưu tầm trang phục cổ của người Tây Tạng, phỏng vấn những người lớn tuổi địa phương, tìm hiểu về quy trình sản xuất, phân loại chất liệu và nguồn gốc lịch sử của những bộ trang phục này, đồng thời trưng bày và bảo tồn các di tích văn hóa được sưu tầm.

Tuy nhiên, thu thập trang phục chỉ là bước đầu tiên. Nếu những tài liệu liên quan không được biên soạn thành tài liệu thì những di sản văn hóa quý giá này sau này khó được phổ biến rộng rãi. Sau khi khảo sát, tôi thấy rằng hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước về trang phục Tây Tạng đều chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định và thiếu nghiên cứu toàn diện về trang phục Tây Tạng nói chung. Vì vậy, vào tháng 9 năm 2020, Viện Nghiên cứu trang phục vùng cao nguyên được thành lập để nghiên cứu một cách có hệ thống tất cả các trang phục của người Tây Tạng và chuẩn bị biên tập một loạt sách.

1 Các đời vua của Tây Tạng được gọi là tán phổ.

Chúng tôi dự định xuất bản một cuốn sách hàng năm để giới thiệu trang phục Tây Tạng ở các vùng khác nhau - bắt đầu từ quê hương của tôi, Lô Hoắc, và dần dần phủ sóng toàn bộ khu vực Tây Tạng. Đồng thời, chúng tôi sẽ dịch nội dung của nó sang nhiều ngôn ngữ để quảng bá văn hóa Tây Tạng đến thế giới.

Trong quá trình biên tập, chúng tôi ghi lại một cách trung thực kỹ thuật sản xuất, bối cảnh, do các cụ già tường thuật lại, đảm bảo tính chặt chẽ của thông tin mà không cố tình thêm thắt hay phỏng đoán nhằm thu hút người xem. Ngoài ra, đối với một số trang phục phổ biến của các vùng miền, chúng tôi sẽ lựa chọn trình bày dưới dạng trang phục đặc trưng của một vùng căn cứ vào tình hình thực tế và sẽ không nhắc lại nhiều lần trong sách viết về các vùng miền khác.

Đến nay, nghiên cứu của chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn thăm dò, nhiều khía cạnh vẫn còn non nớt và thiếu chuyên nghiệp, điều này khó tránh khỏi khiến mọi người chê cười. Nhưng trong quá trình toàn cầu hóa nhanh chóng, nếu thế hệ chúng ta không nỗ lực hết mình để bảo vệ những di sản văn hóa này thì sau này ngày càng có ít người hiểu được.

Trang phục của người Tây Tạng không chỉ là một phần quan trọng của văn hóa Tây Tạng mà còn phản ánh sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Bảo vệ văn hóa Tây Tạng có nghĩa là bảo vệ sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua những nỗ lực của mình, sẽ có thêm nhiều người nhận ra nét quyến rũ độc đáo của văn hóa Tây Tạng. Cảm ơn tất cả những người đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi. Cuốn sách này có thể được ra đời là nhờ nỗ lực chung của mọi người.

Khenpo Sodargye

Ngày 4 tháng 6 năm 2024

Lời nói đầu

Như mọi người đều biết, Mộc Nhã là một nhánh của tộc Đồng, một trong bốn đại thị tộc của người Tạng. Từ trước khi vương triều Thổ Phồn được thành lập, họ chủ yếu sinh sống tại vùng lưu vực Bạch Long Giang ở phía đông của khu vực Amdo. Về sau, do chiến tranh và những nguyên nhân khác, họ đã phân chia thành hai nhánh lớn: Nhánh phía nam chủ yếu cư trú ở khu vực Mộc Nhã của Kham ngày nay, còn nhánh phía bắc thì phân tán sinh sống tại khu vực ngày nay là Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ. Theo ghi chép lịch sử, trong thời kỳ Thổ Phồn bị chia rẽ, nhánh phía bắc từng thành lập chính quyền Tây Hạ, và đã thiết lập kinh đô tại khu vực gần thành phố Ngân Xuyên hiện nay.

Về việc xác định tộc người Mộc Nhã, trong giới học thuật từ trước đến nay vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau: các nhóm Mộc Nhã ở vùng thượng Amdo và khu vực Kham được gọi là Mộc Nhã, trong khi các nhóm Mộc Nhã ở vùng hạ Amdo và các khu vực lân cận thì được gọi là “Đại Mộc Nhã”. Khái niệm “Mộc Nhã” được đề cập trong cuốn sách này đặc biệt chỉ nhóm người Mộc Nhã sinh sống tại khu vực Nhiệt Cương của Mộc Nhã và vùng đông bắc huyện Tân Long thuộc khu vực Kham. Cách định nghĩa này cũng là phương pháp được phần lớn các nhà sử học công nhận. Nội dung cốt lõi của cuốn sách chủ yếu xoay quanh cách ăn mặc và trang phục, phụ kiện của cư dân trong khu vực từ Tân Long ở phía bắc đến Thạch Miện ở phía nam, lấy khu vực Khang Định làm trung tâm.

Do sự khác biệt về địa hình, điều kiện khí hậu và hình thái canh tác nông - mục khác nhau, các loại trang phục tại những khu vực này cũng có sự đa dạng rõ rệt. Ví dụ, ở các vùng chăn nuôi trên cao nguyên như La Nhật Mã, Nhiên La, phụ nữ thường đeo đồ trang sức bằng hổ phách sập ong và các loại nhẫn hoa, vòng đeo đầu. Tại các khu vực bán nông bán mục ở độ cao trung bình như trấn Sa Đức và trấn Cống Ca Sơn thuộc Khang Định, người dân mặc trang phục Ba-quả có nhiều nếp gấp và màu sắc sặc sỡ, vừa thể hiện đặc sắc vùng miền phong phú, vừa hài hòa với

thẩm mỹ chủ đạo của vùng đất Tạng. Tương đối mà nói, ở các vùng nông nghiệp có độ cao thấp như huyện Cửu Long và huyện Thạch Miện – nơi giáp ranh với khu vực cư trú của người Hán và người Di – văn hóa trang phục chịu ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy vậy, về căn bản, họ vẫn duy trì được nét truyền thống, trong đó đặc trưng nổi bật là trang phục ít phụ kiện và thiết kế giản dị.

Trong cuốn sách “Trang phục Mộc Nhã”, Viện Nghiên cứu Trang phục Cao nguyên của chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu và nghiên cứu toàn diện về những bộ trang phục truyền thống phân bố rộng khắp, có yêu cầu sinh tồn khác nhau và mang đặc điểm văn hóa khu vực riêng biệt, thông qua nhiều phương pháp như nghiên cứu tư liệu lịch sử, điều tra thực địa,... Dựa trên các tiêu chí như tính đại diện văn hóa, sự độc đáo về kỹ nghệ và đặc trưng vùng miền, chúng tôi đã chọn ra mười bốn loại trang phục tiêu biểu.

Nhằm khai thác sâu sắc hàm ý văn hóa nguyên thủy nhất ẩn chứa trong các bộ trang phục này, chúng tôi giữ nguyên các tư liệu truyền khẩu từ các học giả dân gian và các bậc cao niên địa phương, tuyệt đối không thêm thắt suy đoán chủ quan, và mỗi loại trang phục đều được phỏng vấn ít nhất mười người. Đối với những điểm khác biệt trong lời kể của người được phỏng vấn cũng như các vấn đề mới phát sinh trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tiến hành so sánh, đối chiếu và bổ sung phỏng vấn để phân tích kỹ lưỡng và tìm hướng giải quyết.

Ngoài ra, đối với cách viết và sử dụng từ ngữ, phương pháp giải thích, trình tự giới thiệu và cách thức trình bày nội dung, chúng tôi đều cân nhắc kỹ lưỡng, sau khi thống nhất mới chuyển giao cho các học giả có liên quan thẩm định, và tiến hành hiệu đính cũng như chỉnh sửa một cách nghiêm túc và toàn diện.

Tất cả tư liệu hình ảnh trong cuốn sách này đều được chụp với sự tham gia của cư dân địa phương trong chính trang phục truyền thống của họ. Về cách ăn mặc và phối hợp phụ kiện, chúng tôi đã cố gắng hết sức để giữ gìn diện mạo truyền thống nguyên bản nhất của địa phương, nhằm giảm thiểu sai lệch đến mức thấp nhất.

Ngoài ra, toàn bộ những bức ảnh trong sách đều là tác phẩm hoàn toàn mới, được đầu tư kinh phí đáng kể, do đội ngũ nhiếp ảnh chuyên nghiệp thực hiện một cách công phu. Việc sử dụng hình ảnh đã được sự cho phép hợp pháp của những người xuất hiện trong ảnh về quyền chân dung.

Trang phục và đồ trang sức không chỉ có chức năng che thân và làm đẹp, mà còn là phương tiện chuyên chở nhiều giá trị văn hóa như tập tục truyền thống và thị hiếu thẩm mỹ. Màu sắc trang phục, cách mặc, các bài dân ca dệt vải, lịch sử truyền khẩu và tục ngữ dân gian ở các khu vực này đều phản ánh một nền văn hóa dân gian phong phú và sâu sắc. Những di sản văn hóa ấy là một phần quan trọng trong việc kế thừa văn hóa dân tộc. Việc chuyển hóa các giá trị văn hóa lịch sử truyền miệng thành tư liệu thành văn là một công việc vừa cấp thiết, vừa vô cùng giá trị.

Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời tri ân chân thành tới các cố vấn học thuật, những người gìn giữ văn hóa địa phương và tất cả những ai đã góp phần hoàn thành cuốn sách này. Nếu trong sách còn có điều gì thiếu sót, rất mong quý độc giả rộng lòng chỉ giáo.

Viện Nghiên cứu Trang phục Cao nguyên

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

001	Dẫn nhập
004	Lời nói đầu
009	Trang phục của phụ nữ Trát Bá
023	Trang sức đội đầu của phụ nữ Mộc Nhã
033	Trang phục của phụ nữ Nhiên La
043	Trang phục nam giới Mộc Nhã
053	Trang phục nữ giới Cửu Long
063	Giày Tạng Mộc Nhã
069	Trang phục Ba Quả

- 085 Trang phục của phụ nữ Lạp Nhật Mã
- 095 Kiểu tóc và trang phục của phụ nữ nông thôn Đạo Phù
- 105 Kiểu tóc nam giới Tân Long
- 113 Kiểu tóc nữ giới Thượng Chiêm Tân Long
- 123 Trang phục dân tộc Tạng Thạc Miên Mộc Nhã
- 135 Trang phục dân tộc Tạng Thạc Miên Nhĩ Tô
- 143 Thiêu thừa và trang phục Lam An
- 153 Hệ thống thuật ngữ

འདྲ་པའི་བུད་མེད་གྱི་གོས་རྒྱན།

Trang phục của phụ nữ

Trát Bá





① མེ་ཏོག་མེ་ལོང་།
Mai-đóa-mỹ-long

② མགོ་འབྲེན།
Quả-chương

③ སྒྲ་ལག་ག།
Tang-ca

④ ལྷོ་དགེ།
Đa-triết

⑤ སྒྲ་ཐང་།
Lạc-sáng

⑥ ལྷག་ས་ཡུ་སྐྱ་ག།
Gia-da-kiệt-ca

⑦ ཆབ་མ།
Kháp-mã

⑧ བལ་དེས།
Ba-đệ

⑨ སྒྲ་བཅིངས།
Cấp-giang

⑩ ཡེད་ཅིང་རིས།
Da-giang-thuy

Khi mới thành lập, châu tự trị Cam Tư được chia thành 21 huyện, Mộc Nhã Trát Bá ban đầu thuộc huyện Càn Ninh. Sau năm 1978, khu vực này phân tách thành hai huyện là Đạo Phu và Nhã Giang, Trát Bá Thượng thuộc huyện Đạo Phu, Trát Bá Hạ thuộc huyện Nhã Giang. Hẻm núi Trát Bá có độ cao trung bình khoảng 2720 mét so với mực nước biển, thuộc kiểu khí hậu hàn ôn đới của thung lũng sông vùng cao. Trước đây, người dân khu vực Trát Bá sinh sống chủ yếu bằng hình thức nửa canh tác, nửa chăn nuôi, nhưng cùng với sự thay đổi của thời đại, hiện nay đa số các hộ gia đình chủ yếu làm nông nghiệp.

Hẻm núi nơi người Trát Bá sinh sống được gọi là hẻm núi Trát Bá. Về nguồn gốc của tên gọi “Trát Bá” có ba cách giải thích như sau: Thứ nhất, do người dân địa phương sinh sống dưới các vách đá cheo leo, nên ban đầu nơi này được gọi là Triết Bá, về sau biến âm thành Trát Bá; Thứ hai, do khu vực này từng bị thổ phỉ hoành hành, đe dọa đến cuộc sống của người dân, nên được gọi là Trát Bá, nghĩa là “nơi trú ngụ của kẻ thù gây hại cho dân chúng”; Thứ ba, người dân nơi đây tin rằng họ là hậu duệ của tộc họ Nhạ, vì vậy gọi nơi này là Nhạ Bá. Ngày nay “Trát Bá” trở thành tên gọi phổ biến của vùng này.

Ba-đệ

Giống như các vùng khác ở Tây Tạng, người dân ở hẻm núi Trát Bá trước kia thường mặc áo choàng da vào mùa đông, còn vào mùa hè, họ sử dụng trang phục làm từ vải bố trắng, vải nỉ và một số loại chất liệu khác. Trong số đó, đặc biệt nhất là loại áo choàng dài không tay xếp ly mà phụ nữ thường mặc, gọi là “ba-đệ” hoặc “la-đặc” trong tiếng Trát Bá. Thiết kế không tay của chiếc áo không chỉ phản ánh sự thích nghi với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt của vùng này, mà còn thể hiện sự phong phú trong màu sắc thần thoại dân gian địa phương.

Trong tiếng Trát Bá, trang phục mặc phần thân dưới được gọi là “đệ”, ba-đệ chính là loại trang phục mà người phụ nữ thường mặc vào mùa hè, đồng thời cũng là lễ phục thường được mặc vào các dịp lễ lớn. Chất lượng của loại trang phục này được đánh giá dựa trên chất liệu, kỹ



thuật dệt may, cũng như việc trang phục có được trang trí bằng “cấp-giang” và hoa văn cầu vòng hay không. Dựa theo những tiêu chí trên, ba-đệ được chia thành nhiều cấp độ khác nhau. Loại tốt nhất được gọi là Triệt-ba-ba-đệ, tiếp đến lần lượt là Sắc-đệ-ba-đệ, Trát-ni-ba-đệ, Na-na-ba-đệ, cuối cùng là Bối-đệ-ba-đệ. Trong tiếng Trát Bá, xá-xá là màu vàng, ni-ni là màu đỏ, còn na-na là màu đen. “Cấp-giang” là những dải màu trang trí may ở phần vạt dưới của đa đệ, được may bằng vải dạ màu vàng hoặc dạ lông mềm, có hình dạng giống với miếng vá hai bên.

Bộ lễ phục hoàn chỉnh của phụ nữ Trát Bá bao gồm: Ba-đệ, áo khoác ngoài, áo sơ mi, ủng Tây Tạng, cùng với các loại trang sức như mai-đóa-mỹ-long, khuyên tai, lạc-sáng, đa-triệt, dao đeo hông, kháp-mã, hộp kim chỉ và nhiều phụ kiện khác.



Vùng Trát Bá đặc biệt coi trọng loại lễ phục gọi là Triệt-ba-ba-đệ, đây là trang phục truyền thống được sử dụng trong các dịp lễ trọng đại và những hoạt động dân gian đặc sắc như múa Mani cổ. Trong tiếng Trát Bá, “triệt-ba” dùng để chỉ loại vải dạ lông, do đó “triệt-ba-ba-đệ” nghĩa là lễ phục được làm từ vải dạ lông. Phần vạt sau của áo được ghép từ năm loại vải hoa dạ lông với màu sắc khác nhau, tạo thành ba mươi sáu nếp gấp, tạo nên tổng thể rực rỡ và lộng lẫy. Khi bảo quản áo, để tránh làm biến dạng các nếp gấp hoặc làm lệch dáng áo, người ta phải cẩn thận vuốt và căn chỉnh từng nếp gấp một cách tỉ mỉ, sau đó dùng dây khâu cố định hai đầu áo lại, cuộn lại thành một dải dài rồi cất trong tủ. Toàn bộ quá trình bảo quản này rất công phu, với những người chưa có kinh nghiệm, có thể phải mất đến một ngày mới có thể hoàn thành.



Sắc-đệ-ba-đệ là loại áo choàng được làm từ vải nỉ lông cừu đen kết hợp với vải lông dạ màu vàng. Trên áo có trang trí họa tiết cầu vòng được tạo thành từ các sợi chỉ màu trắng, vàng, đỏ và xanh lục sắp xếp theo hàng; phần tà áo được tô điểm bằng năm dải “cấp-giang”. Những đường chỉ màu sắc này không chỉ có công dụng trang trí mà còn tượng trưng cho các yếu tố của tự nhiên như bầu trời xanh, mây trắng, mặt đất, cũng như tượng trưng cho ngũ hành. Các dải cấp-giang được làm từ loại vải lông dạ có hoa văn chữ thập màu vàng được mua từ Lhasa. Trong các nghi lễ và dịp lễ hội, sắc-đệ-ba-đệ là một loại lễ phục vô cùng trang trọng và long lẫy.

Trát-ni-ba-đệ là loại lễ phục được dệt từ vải nỉ thô, chất lượng nhỉnh hơn một chút so với na-na-ba-đệ, nhưng vẫn kém hơn so với sắc-đệ-ba-đệ. Trước khi sắc-đệ-ba-đệ và triệt-ba-ba-đệ trở nên phổ biến, trát-ni-na-đệ từng là trang phục sang trọng bậc nhất. Loại áo này có năm dải cấp-giang màu vàng, được làm từ vải nỉ do người địa phương tự dệt và nhuộm màu. Các họa tiết cầu vòng nằm ngang trên áo hẹp hơn một chút so với những đường trang trí trên sắc-đệ-ba-đệ.

Na-na-ba-đệ được làm từ vải nỉ dệt bằng lông cừu, với kỹ thuật cắt may và nhuộm màu còn khá đơn giản và thô sơ. Trang phục này chỉ có ba dải cấp-giang, cũng được người dân địa phương tự dệt và nhuộm thủ công.

Bối-đệ-ba-đệ là loại áo choàng không có tay chưa qua nhuộm màu, thường được mặc khi lao động. Đây là dạng ba-đệ cổ xưa nhất, đồng thời cũng là trang phục sinh hoạt hàng ngày lâu đời ở vùng Trát Bá.

Để may một chiếc áo choàng ba-đệ dành cho phụ nữ, thông thường cần khoảng 12 cung (đơn vị đo chiều dài truyền thống) vải nỉ. Loại vải nỉ này được làm từ lông cừu do người dân địa phương tự gia công, trải qua các công đoạn như se sợi, dệt vải. Sau khi dệt xong, vải nỉ được đặt lên một tấm đá lớn được nhóm lửa phía dưới, thỉnh thoảng tưới nước ẩm lên và dùng chân giẫm đạp liên tục, quá trình này thường kéo dài khoảng một ngày. Mục đích là làm cho kết cấu vải chắc chắn hơn, đồng thời tạo cảm giác mềm mại hơn khi sử dụng.

Từ xưa đến nay, người dân địa phương đã có kỹ thuật dệt và nhuộm màu rất tinh xảo. Loại vải nỉ làm từ lông cừu đen, vốn đã có màu hơi ngả vàng, nên thường không cần nhuộm thêm. Còn đối với vải nỉ trắng, phương pháp nhuộm là ngâm vải vào đầm lầy mục nát không có người dẫm lên khoảng mười ngày, khiến vải chuyển sang màu đỏ thẫm. Khi nhuộm cấp-giang, người ta nói rằng vải nỉ được nhúng nhiều lần trong nước sắc cây đại hoàng đang sôi, sau khi nhuộm xong sẽ được trải ra phơi khô trước mái hiên hoặc những nơi thoáng gió.



Độ dài của áo ba-đệ thường khoảng bảy gang đến bảy gang rưỡi. So với các loại trang phục khác, kích thước này nhỏ gọn hơn, rất thuận tiện cho người dân mang mặc khi làm nông.

Bất kể là loại ba-đệ nào, ở chính giữa bên ngoài cổ áo đều được trang trí bằng một cặp miếng vải hình tam giác có kích thước bằng nhau, gọi là “nạp-da”. Chi tiết này ban đầu là phần vải nhỏ ở cổ áo khi may ba-đệ không cắt bỏ đi mà được gấp ra phía sau cổ áo. Nạp-da còn được xem như một biểu tượng để giữ lại phúc khí khi mặc đồ mới, bởi người dân địa phương tin rằng việc thay đồ mới quá thường xuyên có thể làm mất đi may mắn. Vì vậy, nạp-da không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn chứa đựng ý nghĩa truyền thống và tín ngưỡng.

Ngày xưa, việc may một bộ quần áo thường tốn rất nhiều thời gian, nguyên liệu để may cũng không dễ tìm như nay, nên cơ hội được mặc một bộ trang phục mới là rất hiếm hoi. Do đó, người ta tin rằng việc được mặc đồ mới không phải là điều tự nhiên mà có được, mà cần phải có phúc báo, vì vậy họ rất trân trọng cơ hội được khoác lên một bộ trang phục mới.

Theo truyền thống, người Trát Bá sẽ làm một nghi lễ đơn giản sau khi may xong trang phục mới: trước tiên, họ choàng bộ đồ mới lên một cây cột, sau đó chủ nhân mới mặc vào. Việc này nhằm cầu mong phúc lành khi mặc đồ mới không bị tiêu trừ mà ngày càng tăng thêm. Bởi theo quan niệm dân gian, nếu mặc đồ mới ngay lập tức thì có thể làm mất đi cơ hội được mặc đồ mới lần sau, vì vậy mới mặc cho cột trước. Tập tục này không chỉ riêng vùng Trát Bá mà còn xuất hiện ở nhiều khu vực khác với những hình thức tương tự.





Tang-ca

Tang-ca là loại áo khoác ngắn mặc bên ngoài ba-đê, được làm từ vải nỉ dệt bằng lông cừu trắng chưa qua nhuộm, được chính người dân địa phương sản xuất. Viền cổ áo được may bằng vải nỉ hoặc vải dạ lông nhiều màu sắc. Phần cổ áo và hai đầu của phần thân trước được thiết kế dài hơn thân áo một chút, tạo thành một khoang rộng dùng để cất giữ kim chỉ. Phần phía dưới vạt sau của áo có thêu ba dải họa tiết cầu vòng nằm ngang, bên dưới các dải này là những tua rua làm từ sợi len. Ống tay áo được viền bằng một dải vải xanh rộng khoảng một gang tay, có thêu họa tiết chữ “卐” vừa có tác dụng chống bẩn, vừa tăng tính thẩm mỹ.

Cách mặc áo tang-ca khá đặc biệt, thông thường người mặc không xỏ tay phải vào ống tay áo, mà để tay áo buông xuống khoác lên khuỷu tay, hoặc khi lao động thì luồn tay áo qua nách phải rồi nhét vào thắt lưng phía trước. Trước đây, từng có loại tang-ca được làm từ vải len đỏ và viền tay áo bằng da rái cá. Tuy nhiên, ngày nay, loại phổ biến hơn là tang-ca làm từ vải len hoa, với cổ tay áo được viền bằng vải gấm.





Trang sức đội đầu

Sự khác biệt về trang phục giữa Trát Bá Thượng và Trát Bá Hạ chủ yếu thể hiện ở trang sức đội đầu. Phụ nữ ở Trát Bá Thượng tết tóc thành một bím tóc lớn gồm ba lọn tóc, tết cùng với sợi chỉ đỏ, thả xuống sau lưng. Hai bên trán có một bím tóc nhỏ, được trang trí bằng chuỗi hạt gọi là “quả-chương”, luồn qua bím tóc phía sau rồi buông thõng xuống. Phụ nữ ở Trát Bá Hạ cũng tết tóc thành một bím ba lọn tóc kết hợp với sợi đỏ thả xuống lưng, nhưng họ còn đội thêm một loại trang sức bạc gọi là “mai-đóa-mỹ-long”.

Ban đầu, mai-đóa-mỹ-long có kích thước nhỏ và tinh xảo, nhưng ngày nay đã trở nên to hơn và lộng lẫy hơn. Nó được tạo nên từ các đĩa bạc khảm san hô với kích thước khác nhau. Đĩa bạc trên đỉnh đầu tượng trưng cho mặt trời, đĩa bạc ở sau gáy biểu trưng cho mặt trăng, còn các đĩa bạc nhỏ và vòng bạc xen kẽ treo phía dưới thì tượng trưng cho các vì sao. Vì món trang sức này giống như mang mặt trời trên đỉnh đầu và đỡ mặt trăng sau gáy, nên còn được gọi là “vòng nhật nguyệt”.



Lạc-sáng

Lạc-sáng là một loại trang sức độc đáo, có độ dài đủ để quấn quanh eo ba vòng. Trước kia, món trang sức này sử dụng đệm làm từ da bò Tây Tạng, phía trên đính các hạt trang trí bằng hạt trai dạng hạt hoặc hình tròn dẹt. Những hạt này được khâu lại bằng dây da mảnh và cố định trên lớp đệm da. Ngày nay, phần đệm của lạc-sáng chủ yếu được làm từ da đỏ sản xuất công nghiệp, hạt trai cũng đã được thay thế bằng các hạt nhựa.

Phần đầu của lạc-sáng được trang trí bằng một nút thắt cát tường hình tròn bằng đồng, gọi là “gia-da-kiệt-ca”. Hai đầu của lạc-sáng còn được điểm xuyết bằng hai hạt châu đỏ kẹp lấy một viên ngọc lam ở giữa. Khi đeo, trước tiên cần thắt đai lưng, rồi buộc một dải rộng khoảng một gang tay lên đai, loại vải này tiếng địa phương gọi là “đa-triết”, sau đó quấn lạc-sáng ba vòng quanh đa-triết để cố định. Người ta cho rằng việc dùng đa-triết không chỉ giúp đai lưng chắc chắn hơn mà còn thuận tiện cho việc quấn lạc-sáng.

Trước đây, ở vùng Trát Bá người phụ nữ bắt buộc luôn phải đeo lạc-sáng. Nếu có người phụ nữ nào không đeo, điều đó có nghĩa là trong gia đình họ vừa xảy ra chuyện không may như có người thân qua đời. Những người chồng sau thời gian dài đi xa trở về nhà cũng sẽ chú ý xem vợ mình có đeo lạc-sáng không, để từ đó đoán biết được mọi người ở nhà có được bình an hay không. Vì vậy, việc không đeo lạc-sáng cũng được xem như một cách để tang, thời gian không đeo dài hay ngắn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa người đeo và người đã khuất. Nếu là cha mẹ hoặc chồng qua đời, phụ nữ phải ngừng đeo lạc-sáng trong ba năm; nếu là con nhỏ dưới ba tuổi, thì là một năm; còn nếu là trẻ sơ sinh chết yểu thì là bốn mươi chín ngày.



Kháp-mã

Kháp-mã là tên gọi trong tiếng Trát Bá của món trang sức gọi là lạc-tùng. Mặc dù ở nhiều nơi, người ta thường đeo một đôi lạc-tùng, nhưng phụ nữ vùng Trát Bá thường chỉ đeo một cái phía bên phải.

Phía đuôi của lạc tùng được buộc một chuỗi hai sợi gồm hạt trai và các hạt gọi là “da-giang-thụy”, được đeo chéo vào thắt lưng phía sau. Phía bên trái, người phụ nữ sẽ để đeo thêm dao và hộp kim chỉ.



Nhờ vào điều kiện địa lý ưu đãi, vùng Trát Bá đã sản sinh ra một nền văn hóa rực rỡ và đa dạng, bao gồm ngôn ngữ, tập tục, ẩm thực, trang phục, kiến trúc và gốm sứ. Nơi đây đã trở thành một kho tàng văn hóa thu hút sự quan tâm của giới học giả trên toàn thế giới. Trong đó, văn hóa trang phục đặc biệt nổi bật, với sự phối hợp màu sắc tinh tế và phong cách mặc độc đáo, thể hiện giá trị thẩm mỹ riêng biệt và được xem là một trong những đặc trưng tiêu biểu nhất của thung lũng Trát Bá.



མི་ཉག་བྱང་མེད་ཀྱི་མགོ་བྱུང་།

Trang sức đội đầu của
phụ nữ Mộc Nhã





① ལྷ་རུ་རྒྱལ་མེའི་
ལག་ལ། རྟོག
Cành san hô

② རྟོག་སྐྱོར།
བུམ་བ།
Đỉnh-thác

③ སྐྱོས་ཤེལ།
Hỗ phách đỉnh
đầu

④ སྐྱོས་ཤེལ་མཐའ་སྐྱོར།
Viền hỗ phách sáp
ong

⑤ སྐྱོས་གདན།
Đệm hỗ phách
sáp ong

⑥ ཇམ་ཁོང་མེ་རྟོག།
Vòng nhẫn hoa

⑦ རལ་བ།
Tóc sau gáy

⑧ བ་སྟོ།
Vòng ngà voi

⑨ རྩ་བུང།
Khuyên tai

⑩ སྐྱེ་སྐྱོག།
Khuy cổ

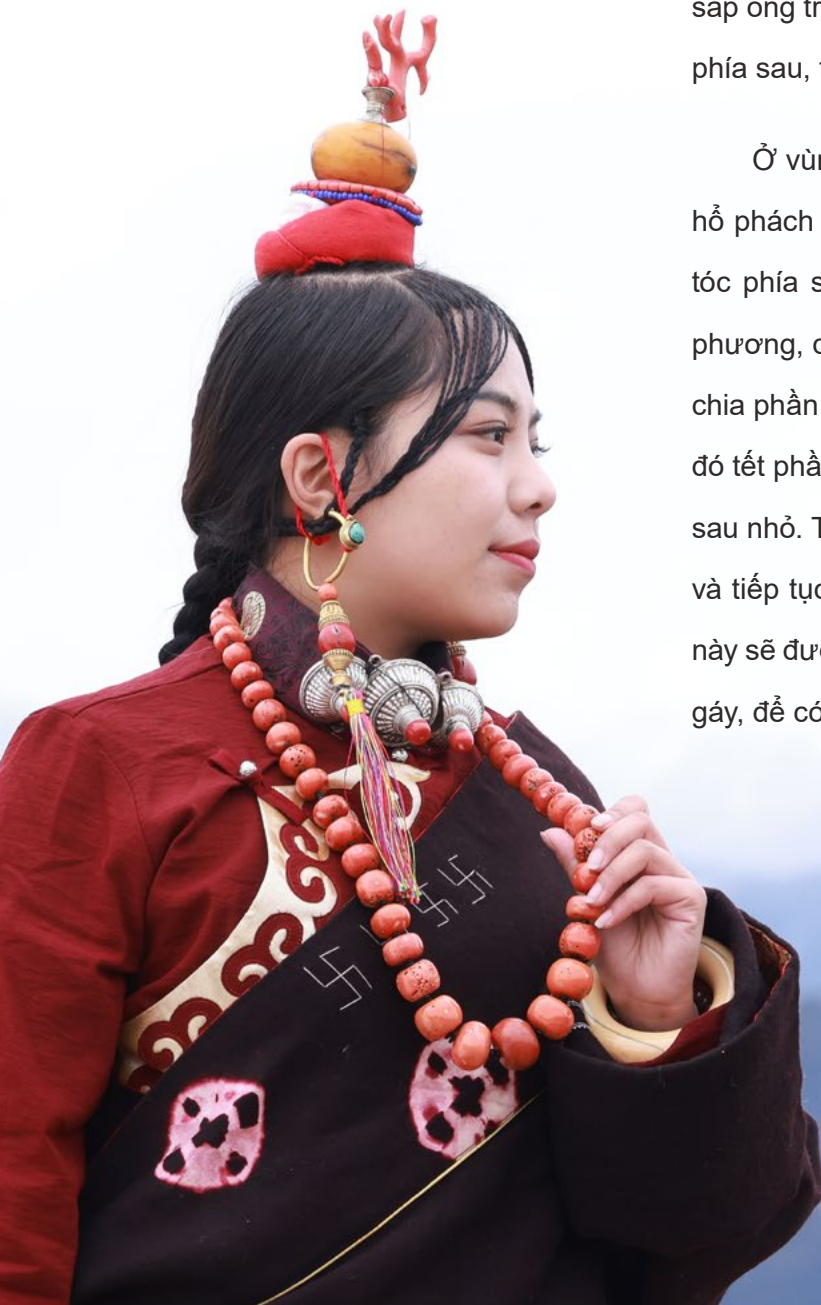
⑪ ཅོར།
Tua rua vòng
tai

⑫ ཁབ་མ།
Kháp-mã

⑬ སྐྱོ་བུངས།
Lạc-tùng

⑭ སོ་ལ།
Tổ-lạp

⑮ རལ་ཅོར།
Nhiệt-tác



Mũ đội đầu của phụ nữ M'Nha gọi là “quả-hiệp”. Đây là một loại mũ đặc biệt mà các cô gái dân tộc M'Nha tại huyện Đạo Phú, châu Cam Túc, tỉnh Tứ Xuyên; bao gồm các xã M'Nha, Long Đăng, Sắc Khả; cùng các thôn Kiến Ba, Trà Á, Cách Tây; các thị trấn Bát Mĩ, Thái Ninh; và một số nơi ở thành phố Khánh Định như thị trấn Tháp Công, thị trấn Tân Đô Kiều, xã Hạp Ba, thôn Giang Ba. Phụ nữ M'Nha từ khu vực dưới Tùng Lâm Khẩu đến trên núi Chiết Đa đều đội loại mũ đặc biệt này trong những dịp quan trọng như pháp hội hay đám cưới.

Quả-hiệp được cấu thành từ các bộ phận như hồ phách sáp ong trên đỉnh đầu, vòng nhẫn hoa, vòng ngà voi, bím tóc phía sau, tua bím tóc, hoa tai và khuy cổ.

Ở vùng thảo nguyên, trước khi đội món trang sức bằng hồ phách sáp ong lên đầu, người phụ nữ sẽ chải phần bím tóc phía sau của mình một cách cẩn thận, trong tiếng địa phương, quá trình này được gọi là la-ba-lĩnh. Trước tiên, họ chia phần tóc trên đỉnh đầu thành hai phần trên và dưới, sau đó tết phần trên thành một bím tóc ba lọn gọi là bím tóc phía sau nhỏ. Tiếp đó, họ tết bím tóc nhỏ này với phần tóc còn lại và tiếp tục tết thành một bím tóc ba lọn. Cuối cùng, bím tóc này sẽ được nối với bím tóc mảnh phía bên trái phần đầu sau gáy, để có thể đội mũ lên một cách dễ dàng.



Quả-hiệp có hai kiểu phối đồ chính: thứ nhất là kết hợp vòng nhẫn hoa và vòng ngà voi; hai là kết hợp chuỗi hổ phách sáp ong và vòng ngà voi. Khi đeo, tất cả các bím tóc nhỏ được chia thành hai chùm bên trái và bên phải rồi tết thành hai bím tóc ba lọn, ở đuôi tóc tết thêm sợi dây bện tổng hợp nhiều màu sắc. Sau đó, luồn vòng ngà voi vào từng bím tóc, rồi xuyên vòng nhẫn hoa hoặc chuỗi hổ phách sáp ong lên. Hai bím tóc được bắt chéo ở sau gáy rồi quấn lên đỉnh đầu, hai vòng ngà voi nằm sát hai bên tai, còn chuỗi hổ phách sáp ong hoặc vòng nhẫn hoa thì quấn theo đường viền tóc quanh đỉnh đầu. So với quả-phù (món trang sức bằng hổ phách sáp ong và san hô cài trên đỉnh đầu), thì chuỗi hổ phách sáp ong và san hô trên bím tóc có kích cỡ nhỏ hơn và tinh xảo hơn. Tùy theo điều kiện kinh tế của cá nhân, người phụ nữ có thể lựa chọn số lượng vòng nhẫn hoa hay hổ phách sáp ong khác nhau, phổ biến là từ hai đến sáu cặp.

Vòng nhẫn hoa

Vòng nhẫn hoa là một loại vòng bạc có hình dáng giống như nhẫn, được gắn san hô trên bề mặt và thường được xuyên vào bím tóc. Trước kia, ngoài những vòng nhẫn hoa này, phụ nữ thường đội thêm một đĩa kim loại nhỏ ở đỉnh đầu, trên đó cũng được khảm san hô để làm trang sức.



Ngày nay, số lượng vòng nhẫn hoa được đeo không còn bị giới hạn, chất liệu chủ yếu được làm từ vàng. Hình dáng của các vòng nhẫn này rất đa dạng, có loại trông giống như yên ngựa, được gọi là “đạt-ca-mã”; có loại giống mũi heo, được gọi là “sát-cát-mã” hoặc “phách-nạp-mã”. Viên quanh được đính một hàng hạt bạc nhỏ tinh xảo. Ngày xưa, người phụ nữ ở vùng nông nghiệp thường đeo ít vòng nhẫn hoa hơn so với phụ nữ ở vùng chăn thả. Ngày nay, người phụ nữ có thể tự do lựa chọn số lượng và kiểu dáng vòng nhẫn tùy theo sở thích và điều kiện kinh tế.



Vòng ngà voi

Người ta khâu hai vòng ngà voi vào bím tóc và buồng thông xuống hai bên tai. Những vòng này không chỉ có giá trị để trang sức mà còn có tác dụng phòng ngừa các bệnh về máu. Trước đây, loại trang sức này thường có kiểu dáng nhỏ gọn, nhẹ nhàng, nhưng ngày nay, trong các dịp lễ, người ta ưa chuộng những thiết kế cầu kỳ và to nặng hơn, tạo cảm giác sang trọng và nổi bật.



Tóc phía sau

Bím tóc phía sau chỉ bím tóc được tết trên đỉnh đầu, nhưng ở đây đặc biệt dùng để chỉ hai bím tóc được xâu chuỗi ngà voi với hổ phách sáp ong hoặc ngà voi với vòng nhẫn hoa, thả xuống phía sau. Những bím tóc này được tết cùng với các sợi len màu đỏ, xanh lá, đen và các màu sắc khác.

Ở một số vùng, nếu phần đuôi bím tóc được thắt thêm sợi dây đan màu xanh lá cây thì sẽ được hiểu là nhà đang có tang, để biểu thị người đó đang chịu tang. Tại một số nơi như Long Đăng, phần đuôi bím tóc còn được treo thêm chùm tua rua bằng tơ màu sắc sỡ, gọi là “nhiệt-tác”.





Khuyên tai

Khuyên tai mà phụ nữ Mộc Nhã đeo có hình dáng độc đáo, trông giống như hạt đại mạch lớn, phần đuôi còn có chùm tua rủ xuống. Ở đây còn lưu truyền câu tục ngữ “khuyên tai như trụ”, đủ để thấy người ta coi trọng món trang sức này như thế nào. Điều đó cũng phản ánh khuyên tai là món phụ kiện không thể thiếu khi người phụ nữ Mộc Nhã đội quả-hiệp.

Ngoài ra, họ còn lựa chọn đeo thêm các loại khuyên tai khác được chế tác từ vàng hoặc bạc, trong tiếng Tạng gọi là “long-đường”.



Khuy cổ

Khuy cổ gồm ba hạt bạc hình cầu, trong đó viên ở giữa lớn hơn hai viên còn lại. Mỗi viên đều được nạm san hô ở chính giữa. Trước đây, người ta dùng lap-kháp để đánh các viên đá quý này lại với nhau.

Khuy cổ có hai cách đeo: Cách thứ nhất dùng dải lụa thêu chỉ vàng để đeo quanh cổ; thứ hai là gắn như cúc áo vào hai bên cổ áo sơ mi, chỉ cần gài vào xong. Tuy nhiên, cách thứ hai hiện nay không còn phổ biến. Trong các đám cưới của người địa phương, khi ca ngợi hôn môn, người ta thường nói: “San hô đỏ rực rỡ, gắn trên khuy vàng lấp lánh” - chính là để chỉ loại khuy cổ này.

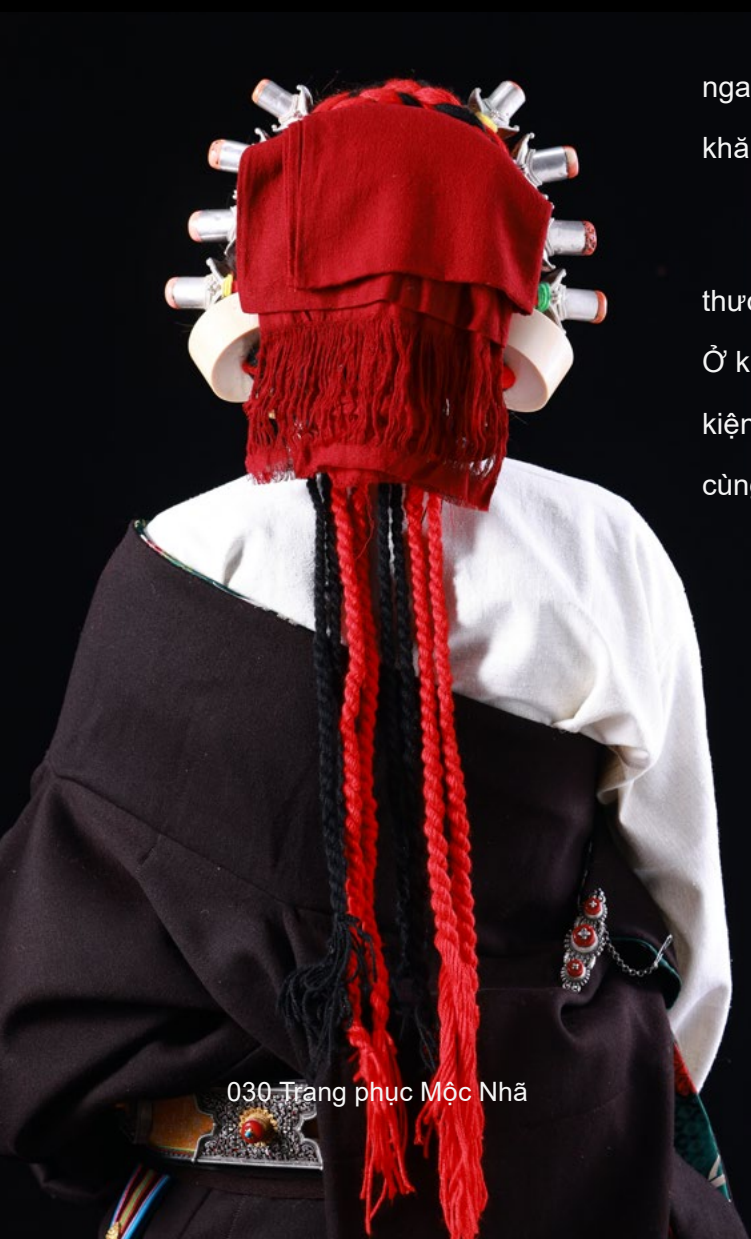
Quả-hiệp ở nông thôn

Ở các vùng nông nghiệp như Bát Mỹ, Thái Ninh thuộc huyện Đạo Phú, hoặc một số nơi như Tháp Công, Tân Đô Kiều thuộc Khang Định, các cô gái thường đội một loại khăn trùm đầu gọi là “a-đức” hoặc “ba-thụy”. Sau khi quấn khăn trùm đầu, họ chỉ dùng vòng ngà và vòng nhẫn hoa để trang sức.

Khăn trùm đầu là loại khăn mà phụ nữ dùng để che nắng vào mùa hè, giữ ấm vào mùa đông, được quấn quanh đầu bằng búi tóc. Ngày xưa, khi làm việc, họ dùng khăn bằng vải đen, còn trong các lễ cưới và dịp lễ hội trang trọng, người ta chọn khăn làm từ lụa tơ tằm. Ngày nay, màu sắc và chất liệu khăn trùm đầu đa dạng hơn; mùa đông thường chọn khăn có lớp ngoài là gấm, lớp trong là da cừu non hoặc da nhân tạo, còn mùa hè họ ưa dùng chất liệu như vải nỉ lông hoặc vải len thô.

Khăn trùm đầu có nhiều cách đội khác nhau: có thể gấp ngang hoặc gấp dọc rồi trùm lên đầu, hoặc để phần đuôi khăn dài rủ xuống sau gáy.

Ngoài ra, khi đội mũ “kiệt châu” hoặc mũ túi, phụ nữ thường thích kết hợp đeo quả-hiệp làm điểm nhấn cho mũ. Ở khu vực gần Tân Đô Kiều trong các dịp cưới hỏi hoặc sự kiện trang trọng, họ còn chọn đội mũ “nhật-trác-trạch” phối cùng quả-hiệp.





Những loại trang sức khác

Ở các vùng chăn thả, người phụ nữ thường đeo túi muối, túi kim và dây buộc chân bò dây sách-lạp ở đầu bên phải của lạc-tùng; bên trái đeo một loại túi chỉ đặc biệt, dùng để đựng kim khâu và chỉ khâu, gọi là “la-nhat”.

Phụ nữ ở vùng nông nghiệp thường thích đeo lạc-tùng, kháp-mã và dây chuyền bạc để làm trang sức. Khi các cô gái đeo kháp-mã có năm quả bạc, họ còn đeo thêm một loại trang sức bằng bạc gọi là “già-vật” trên thắt lưng.

Các cô gái còn đeo vòng ngà voi kết hợp với vòng nhẫn hoa hoặc chuỗi hổ phách sáp ong để thể hiện phong cách. Vào mỗi thời nghe kinh Pháp hay dịp thăm viếng thượng sư, họ sẽ đưa hai bím tóc ra phía trước và buông tay áo bên phải xuống để bày tỏ sự kính trọng.

Trước đây, người phụ nữ mặc trang phục màu vàng hoặc đỏ vàng bị xem là điều cấm kỵ, họ chỉ được mặc trang phục màu xanh lam và màu đen. Trong đời sống hằng ngày, đàn ông thường mặc áo choàng nâu trắng, còn phụ nữ ưa chuộng áo choàng đen hoặc đỏ được dệt từ lông bò Tây Tạng, bên trong phối với áo sơ mi màu đỏ hoặc màu hồng. Thời xưa, người ta hầu như không đeo đồ trang sức bằng vàng vì theo quan niệm truyền thống, đeo vàng sẽ giảm phúc báo. Do đó vàng chủ yếu được dùng làm vật cúng dường thay vì làm trang sức cá nhân. Tuy nhiên, ngày nay, mọi người chọn trang phục và phụ kiện theo sở thích cá nhân, các điều cấm kỵ truyền thống cũng không còn quá nghiêm ngặt như trước.



Trang sức đội đầu của phụ nữ Mộc Nhã 031

Quả-hiệp là một món trang sức truyền thống độc đáo của người phụ nữ Mộc Nhã, với thiết kế tinh xảo và kỹ thuật chế tác tỉ mỉ, không chỉ thể hiện phẩm chất chân thành, mộc mạc, đoan trang của họ, mà còn phản ánh gu thẩm mỹ độc đáo của phụ nữ Mộc Nhã.



ར་མི་བྱང་མེད་གྱི་གོས་རྒྱུན།

Trang phục của phụ nữ

Nhiên La





① ལྷ་རུ་རྒྱལ་མའི་
ལག་ལ། ཉོག་ཐེ།
Cành san hô

② མགོ་སྒྲིམ།
Quả-phù

③ རལ་བ།
Tóc sau gáy

④ རྩ་ལུང་།
Khuyên tai

⑤ ཐུ་ལི།
Trà-lạc

⑥ སྒྲིམ་རྒྱུ།
Vòng cổ

⑦ རྩ་སྒྲིམ་ལོག་སྒྲིམ།
Bím tóc mai

⑧ གཤུ།
Hộp Ca-ô

⑨ སྒྲིམ་སྒྲིམ།
Trang sức tóc
san hô

⑩ བར་སྒྲིམ།
Ngõa-trác

⑪ དངུལ་མེད།
Dây đồng xu
bạc

⑫ ལག་གཏུབ།
Vòng tay

⑬ ལ་སྒྲིམ།
Lạp-cái

⑭ སྒྲིམ་ལུང་།
Lạc-tùng

⑮ སྒྲིམ་ཐུ།
Túi nhỏ

⑯ ཐུ་ལི།
Túi muối

Nhiên La Ngoã xưa từng là một bộ lạc, ngày nay được chia thành hai nhánh: Nhánh trên là thôn Nhiệt Lỗ Khoa thuộc xã Giáp Tư Khổng, huyện Đạo Phú; nhánh dưới là thôn Nhiên La thuộc thị trấn Tháp Công, thành phố Khang Định. Mặc dù hai thôn này có sự khác biệt về mặt địa lý, nhưng người dân vẫn giữ nguyên phong cách ăn mặc giống nhau và đều sống bằng nghề chăn nuôi.

Trang phục vùng này nhìn chung tương tự như các khu vực khác ở Tây Tạng, song lại mang nét độc đáo trong cách phối hợp các phụ kiện, đặc biệt là trong những dịp trọng đại như pháp hội hay đám cưới. Những bộ trang phục thường thấy trong các dịp này bao gồm quả-phù, trang sức tóc bằng san hô, thất lưng và bang-diễn.

Quả-phù

Quả-phù là một loại trang sức được người phụ nữ Nhiên La cố định trên đỉnh đầu bằng sợi dây da mảnh làm từ da hoẵng, buộc chặt vào phần tóc sau đầu. Trang sức này được cấu tạo gồm cành san hô (thác), đỉnh thác, hồ phách sáp ong đỉnh đầu, viền hồ phách sáp ong và miếng đệm hồ phách sáp ong. Phần bím tóc phía sau được lấy theo một vòng quanh đỉnh đầu, sau đó tết thành một bím tóc dẹt khoảng 14-22 ngọn tóc, tùy theo độ dày. Hai bên tai cũng lấy thêm một phần tóc để tết thành bím tóc có độ dày tương đương, gọi là “thác-loại”. Trước kia, trong lễ cưới, người ta thường dùng len trắng dệt thủ công để nối phần đuôi của hai bím tóc này nhằm thể hiện sự may mắn. Nhưng ngày nay được thay bằng sợi len công nghiệp.



So với các vùng khác, cách tết tóc của phụ nữ Nham La phức tạp và kỳ công hơn. Sau khi hoàn thành bím tóc phía sau, phần tóc còn lại được chải cẩn thận và tết thành nhiều bím tóc nhỏ ba lọn, gọi là “thao-biện”. Phần tóc gần hai bên tai sẽ được tết thành các bím tóc to hơn so với thao-biện, được gọi là “tấn-biện”. Để tránh cho tóc che mặt, người ta gắn một chùm sợi len màu vào cuối mỗi bím tóc bên mai, rồi buộc hai chùm len này lại với nhau và buông thõng phía sau lưng.

Ở phần trán, người ta sẽ lấy hai bím tóc gần giữa nhất ở hai bên tết lại với nhau tại hai bên mai tóc, gọi là “tài”. Tương truyền rằng nếu không tết hai bím này lại với nhau sẽ bị coi là điềm gở, vì vậy việc tết lại là điều bắt buộc. Sau đó, toàn bộ các bím tóc nhỏ “thao-biện” sẽ được buông xuống sau lưng, phần đuôi tóc được nối thêm bằng chỉ len đen đã tết sẵn, chia thành hai búi và quấn len màu ở phần ngọn. Cuối cùng, phần đuôi của hai bím tóc này sẽ được tết thành bím ba lọn với ba màu khác nhau, rồi cố định bằng cách buộc chặt phía sau lưng dưới dây thắt lưng, và trang trí thêm bằng tua rua làm từ chỉ lụa nhiều màu sắc.

Cành san hô trên đỉnh khối sáp ong được lấy từ đáy biển, là loại san hô tự nhiên chưa qua chế tác, làm điểm nhấn tinh tế và không thể thiếu trong món trang sức bằng sáp ong này. Ngày xưa, các vị trưởng bối tin rằng cành san hô tốt nhất là loại có màu hồng phấn, vân rõ như dấu vân tay, phần gốc to khỏe và có nhiều nhánh rẽ.



Đỉnh-thác, còn gọi là “ông-ba”, không chỉ giúp làm nổi bật nhánh san hô mà còn có tác dụng để cố định. Đỉnh-thác thường được làm bằng bạc trắng, hình dạng giống như đồng hồ cát, đôi khi cũng được thay bằng những khối hổ phách sáp ong nhỏ xinh.

Hổ phách sáp ong trên đỉnh đầu thực chất là một loại nhựa thông đã trải qua hàng ngàn năm hóa thạch dưới lòng đất để trở thành đá quý. Truyền thống sử dụng hổ phách sáp ong làm đồ trang sức bắt nguồn từ niềm tin rằng nó có lợi cho sức khỏe, và theo lời các bậc cao niên trong vùng, hổ phách sáp ong từ xưa đã được coi là báu vật mang lại may mắn. Loại hổ phách sáp ong tốt nhất thường có màu cam, có vân mây, được chế tác thành hình tròn dạng quả táo, hình tròn dẹt dạng củ cải hoặc hình vuông. Phụ nữ vùng thảo nguyên cho rằng khi đội hổ phách sáp ong lên đầu nhất định phải kết hợp với các loại trang sức khác. Người ta còn tin rằng hổ phách sáp ong giúp tinh thần phấn chấn, tâm trạng vui vẻ, nên vùng này mới có câu: “Đầu đội hổ phách sáp ong, miệng luôn mỉm cười.”

Trước đây, do hổ phách sáp ong đội trên đỉnh đầu thường có kích thước lớn và khá nặng, nên sau khi đeo trong thời gian dài, tóc trên đỉnh đầu trở nên thưa dần, thậm chí nhiều người bị hói ngay chỗ đó. Tuy nhiên, theo quan niệm của người dân địa phương, điều này tượng trưng cho sự giàu sang của gia đình.

Viền hổ phách sáp ong là phần trang trí bao quanh mép đệm sáp ong trên đầu, gồm hai vòng chuỗi hạt ở phía trên và phía dưới. Tùy theo điều kiện kinh tế của người đeo, vòng trên thường được khâu bằng san hô hoặc hạt tròn màu đỏ, vòng dưới dùng các hạt tròn màu xanh lam hoặc đỏ được nhập khẩu từ Ấn Độ.

Miếng đệm được thiết kế để cố định khối hổ phách sáp ong trên đầu. Đây là một lớp đệm hình tròn làm bằng nỉ trắng, được bọc bằng vải lông đỏ. Dây da hươu được luồn qua phần trung tâm của khối hổ phách sáp ong sẽ đi qua miếng đệm này, sau đó được buộc chặt vào phần bím tóc phía đã được tết để giữ chắc trên đầu.





Trang sức tóc bằng san hô

Trang sức tóc bằng san hô gồm ba chuỗi san hô dài. Để tạo điểm nhấn, người ta xâu xen kẽ bằng các hạt hổ phách sáp ong. Hai đầu của chúng được gắn vào hai bím tóc bên mai, phần còn lại buông tự nhiên xuống lưng. Trong đó, chuỗi san hô và hổ phách sáp ong ở giữa được người địa phương gọi là “trà-lạc”. Trà-lạc được cố định vào bím tóc phía sau bằng một miếng hình đồng bạc, gọi là “thương-quỳnh”. Tương truyền, xưa kia khi người con gái xuất giá, họ sẽ gắn thêm hạt trai vào thương-quỳnh để cầu may mắn. Chuỗi trà-lạc ở giữa cùng với hai chuỗi san hô dài hai bên được nối ngang phía sau lưng bằng hai chuỗi san hô nhỏ, gọi là “ngoã-trác”.

Trong quá trình lao động hoặc khi phải mang vác nặng, để thuận tiện làm việc và giữ trang sức trên đầu, người phụ nữ thường quấn toàn bộ trang sức san hô và các bím tóc lên đầu. Ngày xưa, vùng này từng có một loại trang sức đội đầu đặc biệt gọi là “nhiệt-ngoã”, dùng một lớp vải dạ Tây Tạng làm đế, phía trên được trang trí bằng vài tấm đĩa bạc. Tuy nhiên ngày nay, loại trang sức này hầu như không còn nữa, sự xuất hiện của chúng chỉ còn được lưu truyền qua lời kể.

Thắt lưng

Trang sức thắt lưng bao gồm lạp-cái và dây đồng xu bạc. Một đầu của lạp-cái có một vòng rỗng, trên đó xâu nhiều vòng trang trí, chủ yếu là các vòng nhấn hoa hoặc vòng hình yên ngựa. Giữa hai vòng trang trí thường được xen kẽ một vòng ngà. Hầu hết các lạp cái đều có tám vòng trang trí và bốn vòng ngà, đồng thời hai đầu mỗi bên đều gắn một chiếc nhấn ngọc.

Dây thắt lưng bằng đồng xu bạc là loại dây trang trí được nối liền với lạp-cái, trên đó gắn khoảng ba mươi đồng xu bạc. Khi đeo, trước tiên phải luồn vòng rỗng của lạp cái vào thắt lưng để phần trang sức đeo eo rủ xuống phía trước, tạo thành một đường cong hơi hướng xuống. Sau đó, dùng dây đồng xu bạc quấn quanh eo hai vòng, phần cuối dây được cố định bằng cách giấu vào bên trong thắt lưng. Trước khi loại dây đồng xu bạc này xuất hiện, người ta từng sử dụng một loại thắt lưng dệt len sặc sỡ gọi là “lạp-hỉ”.



Bang-diễn

Khăn quấn eo truyền thống của vùng này được gọi là bang-diễn. Giống một số khu vực khác ở Tây Tạng, còn được biết đến với tên gọi “đặc-ngoã” hoặc “đặc-sáp”. Loại khăn này được làm từ sợi len lông cừu thông qua các công đoạn nhuộm màu và dệt thủ công. Chính giữa khăn là họa tiết giống như một mái cổng, được gọi là chính kham môn, tượng trưng cho ngọc Mani. Hai bên cửa là các họa tiết hình tam giác làm từ những dải vải màu xanh, vàng, đỏ, tím tượng trưng cho ngà voi. Bên dưới cửa là các dải vải sọc cầu vồng được xếp ngang, gồm các màu trắng, vàng, đỏ, xanh lá, lam và tím, gọi là “đề-mã”. Sự kết hợp giữa màu đỏ và màu vàng tượng trưng cho sự trang nghiêm; còn màu xanh của bầu trời và màu vàng của mặt đất cũng mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Ngoài ra, phần dưới của bang-diễn còn được trang trí bằng các tua rua, mỗi tua rua đều giữ lại một đoạn màu trắng ở giữa. Điều này là do trong quá trình nhuộm, phần giữa của tua rua được buộc chặt lại để tránh bị nhuộm đỏ, nhờ đó vẫn giữ nguyên màu trắng tự nhiên của sợi len. Để hoàn thành một chiếc bang-diễn như vậy, cần ít nhất mười ngày. Ở vùng này còn có một loại túi muối nhỏ, cách cắt may và nhuộm màu giống hệt bang-diễn, có hình dạng như một chiếc túi vải nhỏ. Túi muối nhỏ này được buộc dưới lạc-tùng và phần cuối cũng có tua rua dài rủ xuống.





Các trang sức khác

Khuyên tai gồm ba loại: khuyên vàng, khuyên bạc và hoa tai mặt-na. Trong đó, khuyên tai vàng được chế tác hoàn toàn từ vàng nguyên chất; khuyên bạc làm từ bạc nguyên chất; còn điểm đặc biệt của hoa tai mặt-na là phía dưới vòng tai có treo ba hạt san hô, giữa các hạt san hô được ngăn cách bằng các hạt bạc có khắc hoa văn, hình dạng giống như hạt đại thanh mạch, và phần cuối được trang trí bằng tua rua.

Ngoài khuyên tai, phụ nữ còn đeo các loại trang sức như hộp ca-ô (hộp Gau), vòng cổ, vòng tay ngà voi và dây đeo lưng lạc-tùng, những món này không khác biệt nhiều so với các khu vực khác ở Tây Tạng. Họ còn có thói quen treo túi muối ở đầu dây lạc-tùng bên phải và buộc dây tổ-lạp ở đầu dây bên trái. Ngoài ra, phía trước thường đeo thêm túi nhỏ và móc treo sữa.

Cách tết tóc, đeo trang sức đầu, thắt lưng, bang-diễn và túi muối của phụ nữ vùng này thể hiện phong cách độc đáo so với các khu vực khác. Khi mặc áo choàng Tây Tạng, họ thường có thói quen xắn tay áo và đi giày ba màu - cách ăn mặc này bắt nguồn từ truyền thống phục sức của vương phi Châu Mỗ. Tương truyền rằng việc mặc bộ trang phục này một cách chỉnh tề và đúng quy cách là biểu tượng cho sự thành kính và lòng tôn kính chân thành dâng lên các vị thần.

Trong văn hóa trang phục của người Tây Tạng, bộ trang phục này chiếm vị trí vô cùng quan trọng. Ngày nay, trang phục của phụ nữ Nhiên La không chỉ được yêu thích tại địa phương mà còn được đánh giá cao ở nhiều khu vực khác. Vào những dịp lễ hội, cưới hỏi và các sự kiện trọng đại, người ta thường chọn khoác lên mình bộ trang phục mang đậm nét đặc trưng vùng miền này như một cách thể hiện sự tôn trọng với truyền thống và gìn giữ di sản văn hóa.



མི་ཉག་སྤྱེས་པའི་གོས་བྱེད།

Trang phục nam giới

Mộc Nhã





① ཡང་ལྷ།
ཁྱེ་ལྷ།
Dương-hạ /
Gia-hạ

② སྒྲ་ལྷག
Búi tóc thả

③ བ་སོའི་མཐེབ་གོར།
Vòng ngà voi

④ རྩ་ལྷང་།
Khuyên tai

⑤ གཤུ།
Hộp Ca-ô

⑥ དངུལ་ཐག
Dây chuyền

⑦ འབྲུ་རས་དོར་མ།
Lụa đũi

Tại các khu vực như thị trấn Long Đăng và thị trấn Bát Mỹ của huyện Đạo Phú, cũng như thị trấn Tháp Công và Tân Đô Kiều thuộc thành phố Khang Định, phong cách tổng thể của trang phục nam giới Mộc Nhã tuy không quá khác biệt so với vùng Khang Ba (Kham), nhưng lại chứa đựng những đặc trưng rất rõ nét của địa phương. Một bộ trang phục đầy đủ gồm có: Mũ, búi tóc thả, đồ trang trí đầu, vòng cổ, vòng tay, quần áo và giày boots.

Mũ

Nam giới tại vùng Mộc Nhã thường đội một loại mũ chóp cao có tên là “dương-hạ”, hay còn được gọi là mũ Ấn Độ, nó có vành mũ mở rộng ra ngoài và được sử dụng rất thịnh hành tại địa phương. Mũ này không chỉ xuất hiện trong các dịp trọng đại như lễ cưới hay lễ ổi-tang (đốt hương) của người Tây Tạng, mà còn thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày.

Ngoài ra còn có một loại mũ tròn có tua rua đỏ có tên là “sách-hạ” hoặc “gia-hạ”, thường được đội trong đám cưới hoặc khi biểu diễn múa. Người ta nói rằng loại mũ này đã phổ biến trong vùng Tây Tạng từ thời nhà Nguyên.

Các loại mũ phổ biến khác bao gồm: mũ kim hoa, mũ da cáo, mũ da mèo rừng, mũ nỉ, và loại mũ vải bố dày dặn và thô ráp.



Trang phục nam giới Mộc Nhã 045

Búi tóc thả

Cách tết tóc theo phong cách búi tóc thả như sau: đầu tiên tết tóc thành bím và buộc tua rua màu đỏ ở cuối bím tóc. Tiếp theo, luồn những chiếc vòng ngà voi và vòng hoa nhĩn vào bím tóc rồi quấn quanh đầu. Phần bím tóc gần tai phải được để hơi lỏng và thả xuống, tạo thành một búi tóc độc đáo, đây chính là nguồn gốc của tên gọi “búi tóc thả”. Chùm tua rua ở đuôi bím tóc sẽ thả xuống phía sau tai trái, thể hiện vẻ trang nghiêm và cốt cách kiêu hùng của nam giới.

Trước kia, các sợi chỉ đỏ dùng làm tua rua thường được trộn với một chất gọi là “lạp-cáp” (nhựa cánh kiến), có công dụng chữa bệnh về máu. Người ta tin rằng việc quấn sợi chỉ đỏ có trộn chất này lên đầu có thể phòng ngừa huyết áp cao và đột quỵ. Khi ai đó bất ngờ ngã bệnh, miệng sùi bọt mép, có thể đốt sợi chỉ này để hun khói cứu chữa.



Ngoài ra, việc đeo ngà và ngọc gần cơ thể và để chúng áp vào mạch máu cũng được cho là có tác dụng phòng bệnh huyết áp cao. Người ta còn gắn ngọc lên bàn đạp hoặc dây cương ngựa với niềm tin tránh được bệnh tật nghiêm trọng và các bệnh về máu.

Nam giới thường đeo vòng ngà voi lên búi tóc để làm vật trang trí, khi ăn mặc trang trọng còn đeo thêm từ 2 đến 6 chiếc nhẫn hoa xâu vào phía trước và phía sau của vòng ngà. Trước đây còn thịnh hành kiểu tóc “bím Hoắc-nhĩ”, gồm nhiều bím tóc nhỏ, nhưng hiện nay đã gần như không nhìn thấy nữa. Khi tỏ lòng tôn kính hoặc nghe giảng Pháp, nam giới sẽ thả tóc xõa trước ngực để thể hiện lòng tôn kính.



Khuyên tai

Nam giới Mộc Nhã đeo khuyên tai bạc lớn ở tai trái, khuyên tai được khảm một đến ba viên ngọc lam hoặc san hô và được buộc vào vành tai bằng một dải ruy băng mỏng để lỗ tai không bị to ra và khuyên tai không bị rơi.

Đeo khuyên tai lớn không chỉ để thể hiện khí chất mạnh mẽ mà còn có tác dụng phòng thân. Những người cao tuổi có kinh nghiệm kể rằng, khi giao chiến với kẻ địch bằng dao kiếm, khuyên tai này có thể bảo vệ cổ tránh bị chém trúng, giúp giữ được mạng sống của người tham chiến.





Trang sức khác

Trên cổ, họ đeo hạt thiên châu và đồ trang sức bằng san hô – san hô không chỉ dùng để trang trí mà còn có giá trị y học. Theo tài liệu y học Tây Tạng, “viên thuốc san hô 25 vị” là phương thuốc trị bệnh máu hiệu quả. Khi ăn mặc chỉnh tề, nam giới đeo những chiếc hộp ca-ô (Gau) lớn được buộc bằng những dải ruy băng bạc.

Miếng niềng răng bằng vàng hoặc bạc được dùng để phòng độc, gọi là “kim nha thoa” (niềng vàng) và “ngân nha thoa” (niềng bạc). Thời xưa, khi giới quý tộc hoàng cung thử độc rượu, họ đặt một bông hoa vàng vào bát gốm, bên dưới để viên chân bảo, rồi rót rượu vào – nếu rượu có độc, bông hoa sẽ lập tức đổi màu.

Theo quan niệm tôn giáo, ngón áp út có “mạch tam độc”: tham, sân, si. Vì thế, đeo nhẫn vàng hoặc bạc ở ngón này có thể phòng ngừa các bệnh về máu. Ngoài ra, họ còn đeo nhẫn ngà voi ở ngón cái tay trái, và đeo nhẫn khảm san hô hoặc lam ngọc ở ngón áp út và trỏ.

Tại địa phương, nam giới có phong tục đeo vòng tay ngà voi. Khi gặp nguy hiểm cận chiến bằng dao kiếm, vòng tay ngà voi có thể bảo vệ cổ tay. Ngoài ra, người Tạng tin rằng vòng tay ngà voi có đặc tính kỳ diệu giúp chống lại đột quỵ – khi người đeo đi qua nơi có khí độc, ngà voi sẽ hấp thụ tà khí và đôi khi thậm chí nứt ra.



Người dân địa phương sẽ lựa chọn trang phục phù hợp theo sự thay đổi của thời tiết. Vào mùa đông giá lạnh họ sẽ mặc áo choàng lông để chống chọi với cái lạnh, vào mùa hè nóng nực họ sẽ chọn những chiếc áo choàng màu nâu trắng mà người dân địa phương gọi là “lạp-khúc-ba”. Trong các dịp trọng đại, vào mùa đông họ mặc áo khoác hai lớp với lớp ngoài bằng da hươu và lớp lót bằng da cừu non hoặc áo choàng da cừu, mùa hè thì mặc áo bằng vải dệt thủ công.

Những bộ trang phục này cũng được sử dụng ở các vùng khác của Tây Tạng. Nhìn chung, chúng rộng rãi và có cổ cao nên thường không cần dùng khăn quàng cổ; tay áo dài nên không cần đeo găng tay. Ngoài ra, đã có câu tục ngữ nói: “Ngủ đêm giữa núi, áo Tạng che thân” – vì vậy nên áo còn có thể dùng làm mền.

Khi mặc lễ phục, nam giới mặc áo sơ mi bằng vải lụa đũi với tay áo rộng và dài. Phần dưới mặc quần vải trắng rộng hoặc quần cùng chất liệu. Loại quần này có ống rất rộng, cần nhét vào trong ủng rồi buộc dây cố định để ống quần buông thõng tự nhiên – cách ăn mặc độc đáo này được người dân địa phương gọi là “đa-lỗ-sính”.



Khi may trang phục, cổ áo phải được may từ một miếng vải liền, không được nối vải, vì dân gian có câu: “Cổ áo ba mảnh, người dưới không thuận.” Ngoài ra, nếu hai mảnh vá ở hai bên áo choàng không được gấp vào trong ở cả hai mặt thì có nghĩa là may mắn sẽ bị mất đi.

Trang phục nam giới chủ yếu có màu trắng và đỏ, quần áo và giày màu vàng bị xem là điều cấm kỵ. Theo quan niệm truyền thống, trẻ em mặc áo lông làm từ da bê Tây Tạng sẽ giúp tăng cường sức khỏe.

Các phụ kiện quanh eo không chỉ bao gồm một con dao dài được trang trí bằng ngọc lam và san hô mà còn có đá đánh lửa, ví, dây chuyền bạc và các phụ kiện khác.

Giày họ đi gồm nhiều loại: giày ba màu, giày túi da, giày dệt, giày cách tân, giày da hươu và giày da bê.

Cách phối đồ và trang sức của nam giới vùng Mộc Nhã không chỉ thể hiện sự theo đuổi cái đẹp, mà còn phản ánh sâu sắc tính cách điềm đạm và tư tưởng rộng mở của họ.



བཟུང་ཟུར་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་བྱེད།

Trang phục nữ giới

Cửu Long





① རྒྱ་ལོག།
Mũ Hạ-la

② ཞ་ལོང་།
Vòng nhẫn hoa

③ བ་སེའི་མཐེབ་གོང་།
Vòng ngà voi

④ ཟ་ལ།
Ba-la

⑤ སྒྲོང་པོག།
སྒྲོང་འབོག།
Đông-ba

⑥ འབའ་རྩེ་ས།
Áo choàng Ba-cát

⑦ ཡང་ལི་བྲི་མོ།
Dương-lạc-trà-mặc

⑧ ཆབ་མ།
Kháp-mã

⑨ ཆི་པོ།
Tắc-ba

Huyện Cửu Long nằm ở phía tây tỉnh Tứ Xuyên, phía đông nam châu Cam Tư, có độ cao trung bình khoảng 2.900 mét trên mực nước biển. Hình thức sản xuất chủ yếu là bán nông nghiệp bán chăn nuôi. Đây là một huyện đa dân tộc với các nhóm dân tộc chính là người Tây Tạng, người Hán và người Di.

Tên gọi “Cửu Long” trong tiếng Hán được cho là bắt nguồn từ chín khe núi có chữ “Long” (rồng) trong tên gọi, bao gồm: Cửu Long, Tam Nham Long, Mê Oa Long, Mạch Địa Long, Giáp Tha Long, Hồng Bá Long, Tà Khả Long, Bát Oa Long, và Sắc Oa Long. Trong tiếng Tạng, Cửu Long được gọi là “Cát-nhật Tông”, bắt nguồn từ ngôi chùa cổ “Cát-nhật” ở trấn Thang Cổ. Ban đầu tên gọi phát âm là “Cát-sắc”, sau chuyển thành “Cát-nhật”. Khu vực nơi tọa lạc chùa Cát Nhật có rất nhiều tháp canh, và các tháp này đều có tám góc. Trong tiếng Tạng, “Cát-nhật” chính là nghĩa của “bát giác” – tám góc

Tại các khu vực như Tam Nham Long và Tà Khả Long ở Cửu Long, phụ nữ thường mặc một bộ trang phục truyền thống trong những dịp quan trọng như Tết, đám cưới, hoặc các nghi lễ Phật Pháp. Bộ trang phục bao gồm mũ hạ-la, đồ trang sức đầu, áo khoác đông-ba, áo choàng ba-cát, tấc-ba, kháp-mã và giày Tạng.



Trang phục nữ giới Cửu Long 055

Mũ Hạ-la

Chiếc mũ hạ-la mà phụ nữ địa phương đội mang nét đặc sắc truyền thống, kiểu dáng tương tự mũ kiệt-châu của vùng Mộc Nhã với phần thân mũ dài. Mũ hạ-la được làm từ da cừu non hoặc da nhân tạo, có thể đội trực tiếp lên đầu hoặc gấp lại đặt sau gáy và cố định bằng bím tóc.



Trang sức đầu

Phụ nữ thường tết tóc thành bím ba lọn, kết hợp cùng sợi len màu đỏ, vàng và hồng rồi quấn quanh đầu. Khi ăn mặc trang trọng, họ đeo hai vòng ngà voi lên tóc bím; ngày thường thì chỉ đeo một vòng sau tai phải. Họ cũng có tục lệ đeo nhẫn hoa. Không chỉ vậy, sau khi sợi len đỏ được nối vào cuối bím tóc, người ta còn trang trí thêm hạt cườm khảm những đồng bạc nhỏ và hạt cườm màu đỏ, vàng, xanh rồi quấn quanh đầu.



Đông-ba

Đông-ba là tên gọi địa phương của một loại áo khoác được phụ nữ mặc ở phía trên cơ thể và được làm bằng vải dạ trắng. Phía sau lưng phần dưới cổ áo có một phần viền vai màu đen gọi là “ba-la”, Theo truyền thống địa phương, nếu không có viền đen này trên vai thì sẽ bị coi là không may mắn. Viền áo phía trước có lớp vải dệt thủ công rộng chừng hai ngón tay, kèm thêm một dải vải đỏ gọi là “dương-lạc-trà-mặc”.

Trước đây, áo khoác đông-ba được dệt thủ công từ lông cừu non một tuổi, cần khoảng 1,5 kg lông cừu để làm một chiếc áo. Các công đoạn dệt gồm chải lông, xe sợi, dệt vải... thường thực hiện trên máy dệt hoặc khung cửi, mỗi ngày dệt được một miếng có độ dài khoảng một nửa sải tay.

Trong cuộc sống hàng ngày, phụ nữ sẽ mặc cả hai tay áo. Nhưng khi lao động, phụ nữ thường tháo tay áo bên phải và gài vào thắt lưng để tiện làm việc.



Áo choàng Ba-cát

Áo choàng ba-cát là loại áo không tay có xếp ly. Phần thân trên được làm bằng lông cừu, thân dưới làm từ lông bò Tây Tạng. Hai bên áo có viền vải dệt màu sắc, tiện lợi cho các hoạt động thường ngày và cũng có tác dụng trang trí. Mặt sau của áo choàng được lót khéo léo bằng đường khâu màu đen, giúp chống mài mòn và tăng thêm hiệu ứng trang trí.



Kháp-mã

Chiếc thắt lưng truyền thống có tên gọi là “kháp-mã” được làm từ da bò Tây Tạng, với một hoặc hai hàng đinh tán nhỏ bằng đồng thau hoặc đồng trắng khảm trên đó.

Ngày nay, phụ nữ thường chỉ mặc áo choàng ba-cát khi biểu diễn trên sân khấu và tham gia các hoạt động khác nhau. Nhưng trong cuộc sống hàng ngày, Thắt lưng kháp-mã truyền thống hay được sử dụng kết hợp với trang phục hiện đại của Tây Tạng như áo choàng Tây Tạng và áo choàng vải dệt thủ công.

Tắc-ba

Tắc-ba là tên gọi tại địa phương (Cửu Long) của “bang-diễn”, tắc-ba có cách phối màu khác với những vùng khác tại Tây Tạng. Được dệt từ lông cừu với họa tiết cầu vòng sọc đứng gồm ba màu: trắng, đỏ, đen. Do sử dụng lông cừu nên chất vải thô hơn so với vải lông cừu non.

Ngoài ra, tắc-ba được nhuộm màu lấy từ thực vật địa phương như rễ cây hoàng liên hoặc các loại bột màu mua ngoài chợ.



Những vật dụng khác

Tương truyền rằng, phụ nữ địa phương trước đây thường đi dép rơm, nhưng sau đó đã chuyển sang đi giày Tây Tạng được khâu thủ công. Họ đeo nhiều loại trang sức như khuyên tai vàng bạc, nhẫn, vòng tay, dao đeo hông, hộp kim chỉ, cùng vòng cổ kết từ hạt đỏ và trắng.

Hiện nay, các trang phục truyền thống như áo dài ba-cát dệt thủ công từ lông cừu và bò đã rất hiếm, được thay thế bằng các mẫu hiện đại làm từ vải trắng, nâu và vải hoa. Những bộ đồ truyền thống này chỉ xuất hiện trong lễ cưới, múa dân gian hay biểu diễn văn nghệ, không còn phổ biến trong sinh hoạt thường ngày.





Trong dân gian còn lưu truyền các bài hát cổ như:

“Chải lông là chải thế này, xe sợi là xe thế kia, cuộn sợi là cuộn như thế, đóng cọc là đóng như kia, lắp khung là lắp như vậy, dệt vải là dệt như thế, cắt vải là cắt như kia, may áo là may như vậy, mặc áo là mặc thế này.”

Và bài hát về cách mặc áo của phụ nữ:

“Phụ nữ mặc áo chia ba hạng, thượng trung hạ mỗi hạng khác nhau. Hạng thượng mặc nhanh gọn gàng, hạng trung mặc vừa phải, hạng hạ mặc chậm, rối ren.”

Đây là những điệu múa cổ xưa lồng ghép kèm theo những động tác như kéo sợi, dệt, cắt và may

Với điều kiện tự nhiên đặc thù và phong tục tập quán riêng, trang phục phụ nữ Tạng ở Cửu Long đã hình thành nên phong cách truyền thống độc đáo, thể hiện rõ sự cần cù, giản dị và nét nữ tính mềm mại của họ.





མི་ཉག་བོད་ལྷ་མ།

Giày Tạng Mộc Nhã





① ཁ་སྒྲེང་།
ཡ་ཡུ།
Cổ giày

② སྒྲ་ཁེབས།
Đường may

③ སྒྲ་བ།
བྱི་མཆེ།
Đường răng cưa
sau bắp chân

④ ཁོང་མོ།
Thân trên

⑤ འགག་སྒྲ་
ཐུ་རེ།
Thân dưới

⑥ འངའ།
Họa tiết cầu vòng

⑦ སྒྲ་སྒྲ།
Mũi giày

⑧ འགོག་རེ།
སྒྲ་རེ།
Mu giày

⑨ སྒྲ་མཐེལ།
དོག་བ།
Đế giày

⑩ སྒྲ་སྒྲོག།
Dây giày

Giày của người Mộc Nhã có thể được chia thành ba loại chính: giày nam, giày nữ và giày dành cho tu sĩ. Những đôi giày này không chỉ mang kỹ thuật thủ công độc đáo mà còn hàm chứa giá trị văn hóa sâu sắc.

Vật liệu làm giày chủ yếu gồm da, vải và loại da truyền thống của Tây Tạng. Trong đó, các loại da được phân thành da mộc chưa nhuộm, da màu đen, da màu đỏ và da màu trắng. Trước kia, người ta chủ yếu sử dụng da mộc đã thuộc để may giày, ít dùng thuốc nhuộm. Sau này, các loại da nhuộm đỏ, đen, trắng do nhà máy sản xuất dần trở nên phổ biến.

Phần thân giày và phần trên của ủng thường được làm từ một trong ba loại vật liệu: vải, da mềm hoặc da, còn lớp lót bên trong trước kia thường sử dụng loại da làm từ lông bò. Để tăng tính thẩm mỹ, đường may giữa các bộ phận của đôi ủng thường được trang trí bằng họa tiết cầu vồng với các màu xanh lam, vàng và xanh lục xen kẽ. Chính vì vậy, ở địa phương có câu tục ngữ rằng: “Bạn đời và đường may ủng nhìn phải đẹp, vì sẽ nhìn suốt cả đời.” Mũi giày thường hơi cong nhẹ vào trong, thiết kế này không chỉ mang tính thẩm mỹ mà còn ngụ ý rằng con người đang hướng tới những nơi cao hơn. Để giày được làm theo hai cách: một là đế đơn từ một lớp da dày, hai là đế nhiều lớp da được khâu chồng lên nhau.

Trong ngôn ngữ Mộc Nhã, các bộ phận của giày được gọi tên khác với các vùng khác: thân giày gọi là “quả-nhiệt”, phần dưới gọi là “ca-đan”, sợi phần phía sau bấp chân là “cam-ba”, còn phần cổ giày gọi là “ca-đông”.



Sự khác biệt giữa giày nam và giày nữ nằm ở việc có họa tiết nút thắt cát tường ở phần gót giày hay không và có sử dụng nhiều lớp da ở đế giày hay không. Nếu có cả hai yếu tố này thì là giày nam; nếu không có họa tiết và chỉ dùng đế đơn bằng da dày thì là giày nữ.

Giày của tu sĩ được gọi là “thụy-quả-mã”, thường được mang trong các nghi lễ như múa thần. Thân giày làm bằng vải trắng hoặc da, hai bên mũi giày có họa tiết nút thắt cát tường làm từ da màu đen, phần trên thân giày làm từ dạ vàng Tây Tạng, phần dưới và cổ giày làm bằng dạ đỏ Tây Tạng, thân giày còn được thêu thêm họa tiết hoa văn và sóng nước.





Để may một đôi giày Mộc Nhã, người thợ giày cần sử dụng nhiều công cụ, ngoài kim chỉ còn có dao, búa, kẹp da gỗ, kim hai đầu nhọn... Thường mất khoảng bốn ngày để hoàn thành một đôi giày. Để giày định hình tốt hơn, người ta sẽ nhét khuôn gỗ đặc gọi là “lan-huỳnh” vào bên trong giày trong khoảng hai ngày.

Người dân địa phương không tùy tiện mang quần áo hoặc giày mới, họ phải trải qua một nghi lễ cụ thể trước khi mặc chúng. Khi mặc áo mới, họ sẽ khấn: “Cầu cho người sống lâu, áo luôn mới, mọi điều như ý.” Để tránh xui xẻo và tà khí, họ còn nhổ nước bọt lên quần áo mới trước khi mặc. Trước khi đi giày mới, người ta sẽ đặt giày vào cột nhà rồi cầu nguyện: “Cầu sống lâu không bệnh, hạnh phúc viên mãn; cha mẹ khỏe mạnh sống lâu, thượng sư an trú lâu dài, bề trên ổn định trường thọ, dân lành không tai họa, trường thọ.” Hoặc đọc: “Mời thượng sư mang giày trước tiên, tiếp theo là quan chức, sau đó là cha mẹ, cuối cùng là dân chúng.” Họ còn niệm: “Nguyện người không bệnh, súc vật không tai ương,” tượng trưng cho hạnh phúc và điều lành.

Khi đi giày, họ đọc:

“Một mũi kim, hai mũi kim, ba mũi kim may,
May ba mũi tâm hân hoan, tâm vui thì thân khỏe.
Giờ đây nhảy múa vui sướng an lành,
Điều tốt lành nguyện cầu đều thành,
Mong giày mới luôn bền đẹp để mang.”

Sau những lời cầu nguyện và chúc phúc như vậy, họ mới chính thức mang giày mới.

Giày Mộc Nhã, giống như các loại giày khác ở Tây Tạng, không chỉ giữ ấm tốt mà còn có lợi cho sức khỏe. Đồng thời, chúng rất bền – chó cắn không rách, đá và gậy đập cũng không làm hư, bảo vệ bàn chân rất hiệu quả.



འབག་གོས།

Trang phục

Ba Quả





1 དུལ་ལྷ།
Mũ bạc

2 ལཱ།
Lạp-táp

3 རི་ཁྱོང་ཅི།
Mũ Nhật-trắc-trạch

4 རྒྱ་རྒྱ་ལྷ།
ལྷ་ལྷ།
Mũ Kiệt-châu

5 སྟོང་འཁོག།
Áo khoác

6 དུང་ཆབ་མ།
Phụ kiện đeo
lưng vỏ sò

7 འབག་གོ་མ།
Ba-quả

8 ལཱ་སྟེ་འཁོར།
དུལ་གཞོང་།
Lạp-táp-cấp-quát

9 ཁབ་ལུབས་ཁ་གཟུ།
བཅའ་མོ་མ།
Ca-tạ-ca-tát /
Già vật

10 ལྷ་མ་སྟེ་འཁོར་མ།
Bốt cao cổ Tạng
mũi nhọn

Ba-quả từng là trang phục hàng ngày của phụ nữ ở các khu vực như Giáp Căn Bá, Sa Đức, Thị trấn Cống Ca Sơn, Xã Cát Cư... Tuy nhiên, theo thời gian, ngày nay nó dần trở thành trang phục đặc biệt chỉ được mặc trong các dịp lễ hội trang trọng như lễ hội khiêu vũ Mộc Nhã Cách, pháp hội, hay đám cưới.

Ba-quả thường được kết hợp với các phụ kiện đặc trưng của địa phương như mũ, áo gile sơn dương, giày cao cổ Tạng. Có 3 loại mũ thường mặc kết hợp với Ba-quả là: Mũ nhật-trác-trạch, mũ kiết-châu và mũ bạc.

Mũ Nhật-trác-trạch

Mũ nhật-trác-trạch có hình dạng giống với mũ Ngũ Phật, khi đội mũ đầu tiên là cần đặt mũ ổn định trên đỉnh đầu, sau đó cố định mũ bằng dây. Nghe nói, loại mũ này không thể thiếu trong các lễ cưới, cô dâu khi đội mũ này sẽ phải may một mảnh lụa trước mũ để che mặt, đôi khi cũng sẽ được đội cùng với mũ bạc. Bên cạnh đó, nhật-trác-trạch cũng được coi là một chiếc mũ có tác dụng che nắng trong mùa hè. Trước đây, nó được quần từ rom, còn hiện nay chủ yếu được làm từ vải lụa. Được biết, tại một số khu vực ở Hạ-mộc-nhã, khi cô dâu xuất giá cũng sẽ lựa chọn mũ Hoắc-nhĩ làm trang sức trang trí trên đầu của họ trong hôn lễ.



Mũ Kiệt-châu

Mũ Kiệt-châu, còn được gọi là “khố-hạ”, viền mũ được khảm da rái cá, trên vành mũ được trang trí lần lượt bằng ba dải cầu vòng có màu đỏ, vàng xanh đều được làm từ vải dạ Tây Tạng. Thân mũ có hình dạng giống như chiếc túi, được làm từ lụa, lót bên trong được làm bằng da cừu, thích hợp để đội vào mùa đông. Độ dài của thân mũ khác nhau, trước đây người ta cho rằng thân mũ càng dài càng tốt, thậm chí có những chiếc mũ dài đến tận thắt lưng. Phần trang trí ở đáy mũ được gọi là “mắt mũ” hoặc đóa-hoa, có hình tròn hoặc vuông, được khâu chồng lớp từ vải lụa bóng và vải dạ Tây Tạng, tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng.

Khi đội mũ kiệt-châu, hai bên vành mũ cần được gấp lên và cố định bằng dây mũ. Phần thân mũ đôi khi được thả tự nhiên ra phía sau lưng, đôi khi lại được gấp lại và để trên đỉnh đầu.

Ngoài ra, ở địa phương còn có một loại phụ kiện quấn quanh mũ, gọi là “lạp-táp”. Lạp-táp có lớp lót trong được làm bằng vải dạ Tây Tạng màu đỏ, phía trên được đính khảm các hạt nhỏ tinh tế như hạt bạc, ngọc lam và san hô.



Mũ bạc

Mũ bạc thường được đội trong các dịp đặc biệt như Pháp hội, đám cưới. Miếng bạc ở chính giữa trên đầu gọi là “nhật-bổ-đạt”, trong khi miếng bạc phía sau gọi là “ngân-bào”. Trước đây, ở vị trí trung tâm của nhật-bổ-đạt và ngân bào chỉ được gắn một viên san hô lớn, nhưng hiện nay số lượng san hô được gắn đã nhiều lên.



Kiểu tóc

Phụ nữ ở đây có hai kiểu tóc. Một là kiểu tóc của phụ nữ trưởng thành, gọi là “tóc ba lọn Phiên-quả”, kiểu tóc này có để lại tóc mái, phần còn lại của tóc được tết thành một bím, phần đuôi tóc được tết với sợi len màu vàng và xanh đậm hoặc đỏ. Nếu chọn sợi len vàng và kết hợp với sợi len màu xanh đậm và hồng, thì đó là biểu tượng của sự tiếc thương dành cho người đã khuất. Kiểu tóc thứ hai là của phụ nữ trẻ, gọi là “tóc ba lọn Gia-quả”, đặc trưng của kiểu tóc này là tết tóc thành hai bím và phía đuôi tóc được tết với sợi len đỏ.



Ba-quả

Ba-quả được tạo thành từ hai phần: đó là áo cánh và áo choàng dài không tay. Áo cánh ở đây là kiểu áo ngắn nửa thân, được may từ vải dệt từ lông cừu và lông cừu thô của địa phương. Để thuận tiện khi làm việc và khoe vẻ đẹp uyển chuyển của cơ thể, phụ nữ thường có thói quen cởi bỏ tay áo bên phải.

Một mình chiếc áo dài không tay cũng được gọi là “ba-quả”, thường sẽ được mặc kết hợp với áo cánh. Chiếc áo choàng dài này được làm từ lông của bò yak và lông cừu, và trải qua nhiều công đoạn như xoắn sợi, dệt vải... Để thuận tiện cho việc di chuyển, hai bên sườn của chiếc áo dài này đặc biệt lựa chọn sử dụng lông cừu trắng và lông tơ bò yak đen để tạo thành kiểu xếp ly.

Ban đầu, số lượng nếp gấp của áo dài có sự khác biệt tùy theo điều kiện kinh tế: chiếc áo dài ở hạng thấp nhất trong tiếng Mòc Nhã được gọi là “tư-tụ-kha”, chỉ có ba cặp nếp xếp ly bằng lông cừu trắng; chiếc áo dài hạng trung được gọi là “cầu-tụ-kha”, có sáu cặp nếp xếp ly bằng lông cừu trắng; chiếc áo dài hạng cao nhất được gọi là “tụ-tụ-kha”, có tám cặp nếp xếp ly bằng lông cừu trắng. Sau này, theo số lượng nếp xếp ly trên ba-quả, người ta phân loại thành các loại như ba-quả ba mươi nếp xếp ly, ba-quả sáu mươi nếp xếp ly và ba-quả tám mươi nếp xếp ly. Trong đó, chiếc áo dài ba-quả có tám mươi nếp xếp ly là loại tốt nhất, với mỗi bên sườn có bốn mươi nếp xếp ly. Ở địa phương có câu tục ngữ như sau: “Cô gái tôi có chiếc ba-quả tám mươi nếp xếp ly, không ai lấy tôi thật là hiếm có!”



Trong quá khứ, phương pháp tạo nếp ly là sử dụng đá hoặc túi da đựng đầy lúa mạch xanh để nén chặt các nếp xếp ly trên lông cừu vừa được gấp lại, quá trình này mất hơn một tháng. Số lượng nếp xếp ly được quyết định bởi tình hình kinh tế của từng gia đình

Với sự cải thiện của mức sống, chất liệu và kỹ thuật của ba-quả cũng trở nên phong phú đa dạng hơn, và dần dần được chia thành ba loại: Ba-quả sơ-ni, ba-quả sách-ni và ba-quả sơ-ba.



Ba-quả sơ-ni là loại ba-quả xuất hiện đầu tiên, chỉ sử dụng lông cừu và lông tơ bò yak của địa phương để làm. Trong tiếng Mộc Nhã, “sơ” có nghĩa là màu trắng, “ni” có nghĩa là màu đen, vì vậy, ba-quả sơ-ni có nghĩa là “ba-quả sọc trắng”. Ở một số khu vực, nó còn được gọi với tên thân mật là “Ba-quả giáp-ca”, vì “giáp-ca” có nghĩa là chim hỉ thước, nhằm ám chỉ sự tương đồng màu sắc giữa chúng.





Ba-quả sách-ni được phát triển trên cơ sở của ba-quả sơ-ni, điểm đặc biệt lớn nhất của nó là miếng vải hình vuông ở phía sau, người địa phương gọi là “sắc-bố-đóa-đóa”. Ba-quả sách-ni không sử dụng loại lông cừu màu trắng màu đen thường gặp ở đây, mà thay vào đó sử dụng vải đỏ tươi làm trung tâm và dùng vải dệt hoa lông cừu làm viền. Hai bên của chiếc áo còn có ba nếp xếp ly, được khâu cẩn thận bằng vải dạ Tây Tạng màu đỏ, xanh lá và vàng. Trong tiếng Mộc Nhã, “sách” có nghĩa là màu đỏ, “ni” có nghĩa là màu đen, vì vậy ba-quả sách-ni có nghĩa là “ba-quả sọc đỏ”. Vì vải dệt lông cừu cần phải mua từ khu vực Vệ Tạng, nên quần áo loại này quý giá và cao cấp hơn so với loại ba-quả sơ-ni được làm từ lông cừu trắng và lông bò yak.



Còn đối với ba-quả sơ-ba, sắc-bố-đóa-đóa và nếp xếp ly hai bên của loại này chỉ được làm từ vải dệt màu sắc tươi sáng, khiến cho vẻ ngoài tổng thể của nó trở nên cao cấp hơn, chất lượng tốt hơn, do đó trở thành kiểu dáng rất được số đông ưa chuộng. Ở một số khu vực, nó còn được gọi với cái tên là “ba-quả phổ-lỗ”.

Tại khu vực Mộc Nhã, trang phục nữ được chia thành hai loại theo độ tuổi: “Mộc-tát-tắc-quả” và “mộc-na-tắc-quả”. Trong tiếng Mộc Nhã, “mộc-tát” có nghĩa là những cô gái trẻ, “mộc-na” để chỉ những người phụ nữ đã kết hôn, và “tắc-quả” có nghĩa là trang phục. Theo truyền thống, ba-quả là trang phục dành riêng cho phụ nữ lớn tuổi, những cô gái trẻ sẽ không mặc chúng, nhưng ngày nay, dù là ở độ tuổi nào, phụ nữ đều coi nó là trang phục đẹp để mặc.



Phụ kiện đeo lưng

Khi mặc ba-quả, có hai trường hợp: đeo phụ kiện hoặc không đeo phụ kiện. Có một loại phụ kiện đeo lưng đặc biệt được làm từ da bò đỏ, trên đó khâu những vỏ sò ngọc, được gọi là “phụ kiện đeo lưng vỏ sò ngọc”. Nó thường đeo trên “Dây thắt lưng gia-sát” và phải được kết hợp sử dụng với trang phục Ba-quả.

Ngoài ra, khi mặc trang phục trang trọng, phụ nữ còn đeo một loại phụ kiện đeo lưng bằng bạc, có kiểu dáng khác biệt so với các phụ kiện đeo lưng ở các khu vực khác. Phụ kiện đeo lưng này được trang trí với năm hộp bạc, lần lượt khắc các họa tiết như hổ, sư tử, chim đại bàng, rồng và các họa tiết khác. Hai bên trái phải còn đeo một loại trang sức mà người địa phương gọi là “ca-tạ-ca-tát”, ở các vùng chăn thả gia súc và địa phương khác được gọi với cái tên “già-vật”





Bang-diễn

Trong quá khứ, bang-diễn ở địa phương thường được làm từ một miếng vải đơn, chỉ dành cho những phụ nữ đã kết hôn đeo. Nhưng hiện nay, cho dù đã kết hôn hay chưa kết hôn, phụ nữ khi mặc ba-quả đều có thể đeo bang-diễn, chất liệu của nó cũng ngày càng phong phú và đa dạng, bao gồm các loại như vải dệt từ lông cừu, vải dệt từ lông cừu thô.

Giày cao cổ Tạng

Phụ nữ đi giày cao cổ Tạng có mũi nhọn, đế bốt được làm từ thuộc da, thân giày được dệt từ lông cừu, phần trên và dưới của lưng giày lần lượt được làm từ vải dệt lông cừu thô và lông cừu công nghệ chế tác tinh xảo và mỹ quan.





Lạp-táp-cấp-quát

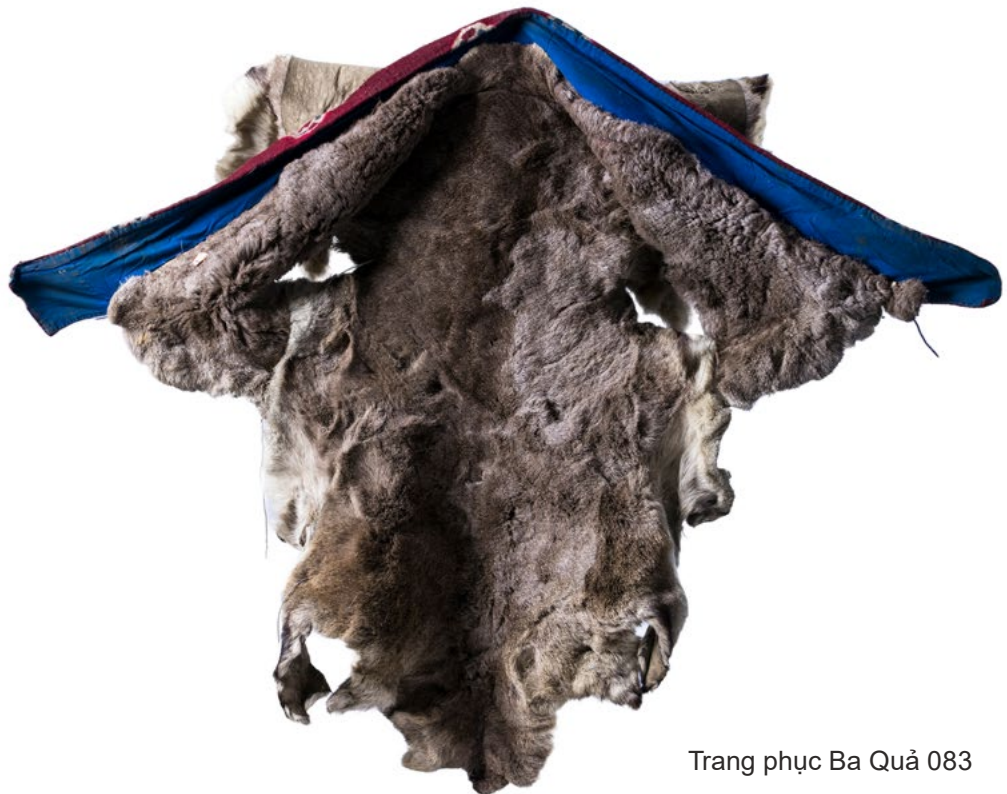
Lạp-táp-cấp-quát là một phụ kiện bạc hình vuông, trên đó gắn san hô, phía dưới có thêm chuông bạc. Dây đeo của phụ kiện này tương tự như của lạp-táp quần trên đầu, trang sức này giống như dây đeo ở cổ, thả xuống dưới vạt áo dài. Nghe nói, nó có nguồn gốc từ chiếc mâm bạc dùng để dâng trà và rượu cho khách quý trong quá khứ, về sau dần dần phát triển thành một món đồ trang trí.

Những phụ kiện khác

Vào mùa đông, phụ nữ thường mặc áo choàng làm từ da của cừu non; vào mùa hè, thì họ sẽ chọn mặc áo choàng làm từ vải thô dệt từ lông cừu và làm từ vải, đồng thời quấn khăn trên đầu. Ngoài ra, khi làm công việc lao động chân tay như vác đá, họ sẽ mặc một loại áo gile làm từ da dê núi gọi là “bạch-hỉ” hoặc “quách-quả”.

Dân gian địa phương cho rằng, “Ba” là từ chỉ ma nữ Ba Mẫu, “Quả” là từ để chỉ da, vì vậy, ba-quả là bộ da của ma nữ Ba Mẫu. Phụ nữ sau khi mặc ba-quả có thể xua đuổi tà ma. Bên cạnh đó, còn có một bài ca dân gian liên quan đến quy trình làm bộ trang phục ba-quả : “Cô gái mang áo len dày, xin hãy giúp ta chải lông cừu, đừng nói không biết chải, cứ thế mà chải cho ta; Cô gái mang áo len dày, xin hãy giúp ta xoắn sợi len, đừng nói không biết xoắn, cứ thế mà xoắn cho ta; Cô gái mang áo len dày, xin hãy giúp ta dệt len, đừng nói không biết dệt, cứ thế mà dệt cho ta.” Người dân dựa theo bài ca này vừa hát vừa múa, qua đó biểu diễn lại toàn bộ quá trình làm ra bộ trang phục ba-quả.

Mỗi môi trường và nhu cầu sống khác nhau tạo ra những nền văn hóa trang phục đặc sắc khác nhau, mà trang phục ba-quả độc đáo, rực rỡ đóng vai trò quan trọng trong văn hóa trang phục của dân tộc Tạng.



Trang phục Ba Quả 083



ཐུག་ཁོག་བྱང་མིང་གི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục của phụ nữ

Lạp Nhật Mã





1 མགོ་སྒྲོ་ས།
Quả-phù

2 རྩེ་སྒྲོ།
Thác-loại

3 རྩོད་འཕངས།
Thác-bàng

4 རྩ་ལྷང་།
Khuyên tai

5 རྩ་ལྷང་།
Gia-long

6 གཤུ།
Hộp Ca-ô

7 རྩ་ལ།
Trà-lạc

8 རྩོད་ལྷུངས།
Phát sáo

9 རྩ་སྒྲོག།
Trang sức tóc san hô

10 རྩ་ལ།
Kháp-mã hô

11 རྩ་ལྷང་།
Hạ-quỳnh

12 རྩ་སྒྲོ།
Lạp-cáp

13 རྩ་དྲུག་སྒྲོ།
Gia-cát /
Lạc-ngạch-thắc

14 རྩ་དྲུག་སྒྲོ།
Bang-diễn đỏ

15 རྩ་ལྷང་།
Gia ngỗng

16 རྩ་ལྷང་།
Đề-mã

17 རྩ་ལྷང་།
Tua rua sợi tơ

Làng Lạp Nhật Mã thuộc huyện Tân Long, vì địa hình nơi đây giống như một chú đại bàng trống rang rộng đôi cánh nên được đặt tên như vậy. Người dân địa phương chủ yếu sinh sống bằng nghề chăn nuôi. Khi phụ nữ tham gia các sự kiện quan trọng, họ sẽ mặc trang phục truyền thống bao gồm phụ kiện tóc, hoa tai, kháp-mã (tên một loại thắt lưng), áo choàng Tây Tạng và bang-diễn màu đỏ, v.v.

Phụ kiện tóc

Trong phụ kiện tóc, vật trang trí cắm trên đỉnh đầu và khảm hổ phách được gọi với cái tên “quả-phù”, đây là món đồ không thể thiếu khi phụ nữ mặc lễ phục. Phía trên của phụ kiện này được trang trí bằng cành san hô, phía dưới dùng dây da xuyên qua hổ phách và miếng đệm hổ phách, nối với chân tóc tết và được buộc chặt lại.

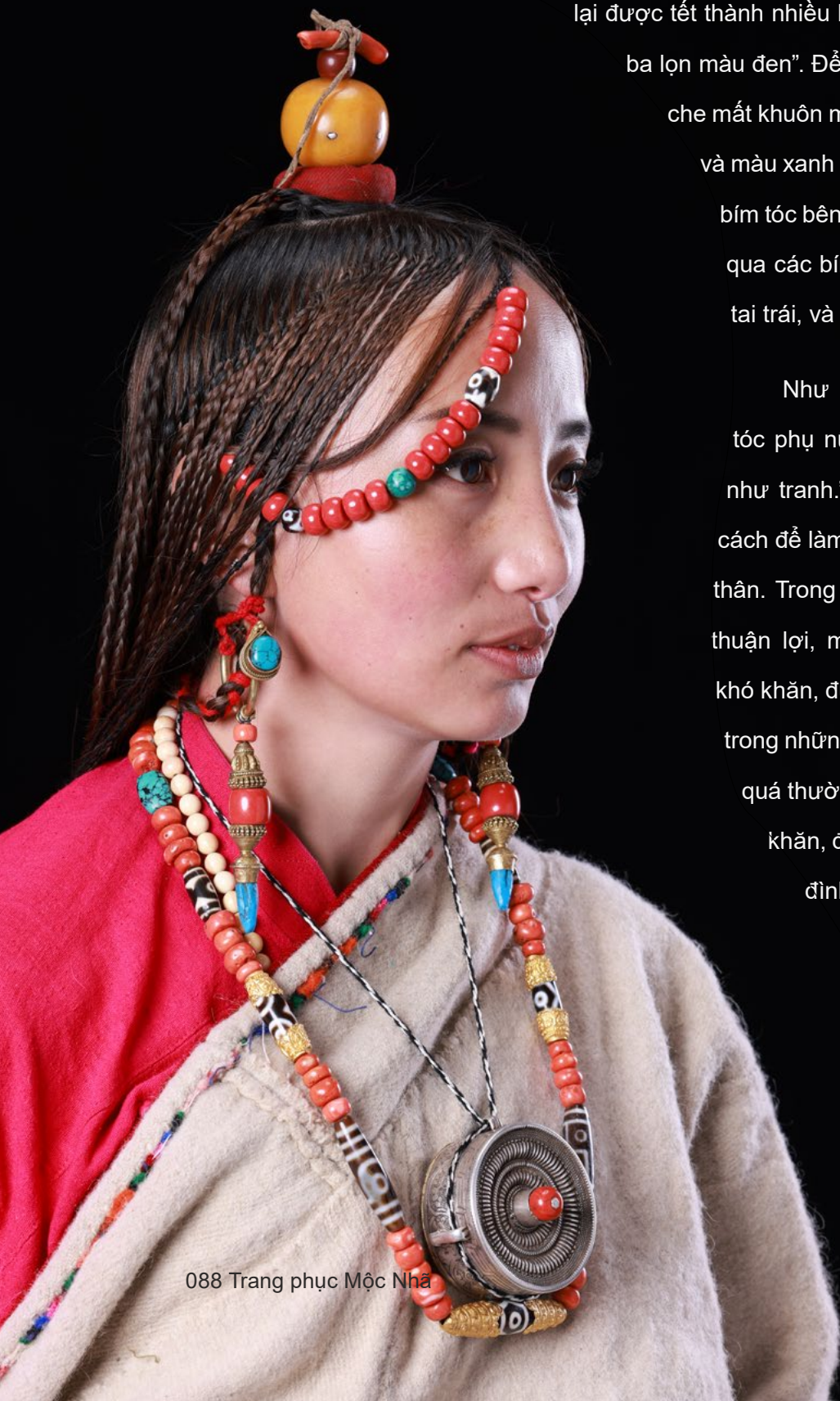
Trước đây, phụ nữ thường tết tóc. Việc tết tóc hàng ngày không cần chọn ngày đặc biệt, nhưng khi xuất giá phải chọn giờ lành ngày tốt, do cha mẹ trong gia đình còn sống, dòng họ quý tộc, con cháu có phẩm đức cao quý, con giáp và tên hợp với lịch âm mới được thực hiện việc chải tóc cho.



Quy trình tết tóc như sau: trước tiên, sử dụng dụng cụ làm từ răng của con chó săn hoẵng để chia ngôi cho tóc. Sau đó, trộn bơ sữa với nước và dùng đầu chải bơ sữa thoa đều hỗn hợp lên tóc. Tiếp theo, cẩn thận tết tóc thành nhiều bím tóc nhỏ. Phần “tóc tết thác-loại” trên đỉnh đầu là hai bím tóc kết tiểu tám lộn ở chính giữa đỉnh đầu, nó chia vòng tóc trên đỉnh đầu thành hai phần bằng nhau rồi mỗi phần tết thành một bím to rủ xuống hai bên. Phần tóc còn

lại được tết thành nhiều bím nhỏ dạng ba lộn, gọi là “bím tóc ba lộn màu đen”. Để tránh các bím tóc nhỏ này rủ xuống che mất khuôn mặt, các cô gái sẽ dùng len màu hồng và màu xanh tết lỏng cùng với nhau, buộc vào một bím tóc bên tai phải, rồi luồn len vòng ra sau đầu qua các bím nhỏ, cuối cùng buộc vào bím bên tai trái, và được gọi là “bím tóc mai”.

Như lời hát trong bài dân ca: “Lúc đầu tóc phụ nữ không vẽ, tóc mây tết thành hình như tranh.” Đối với các cô gái, việc tết tóc là cách để làm đẹp và thể hiện phong thái của bản thân. Trong tục ngữ địa phương có câu: “Ngày thuận lợi, mỗi tháng dừng tết nhiều lần, ngày khó khăn, đừng để tóc quá một năm.” Ý nói rằng trong những ngày hanh thông, không nên tết tóc quá thường xuyên mỗi tháng; còn khi gặp khó khăn, đặc biệt là khi có người thân trong gia đình qua đời, phụ nữ sẽ để tóc không gội, thả xõa để thể hiện sự thương tiếc. Tuy nhiên, việc này không được kéo dài quá một năm, sau đó phải gội sạch và tết tóc lại bình thường.



Phụ nữ còn đeo một chuỗi san hô làm từ đá ngọc lam và các hạt đá Dzi nhỏ trên bím tóc đầu tiên bên trái trán, gọi là “thác-bàng”. Đây là một loại trang sức đặc biệt tùy theo điều kiện kinh tế của từng người, được lựa chọn đeo sau khi tết tóc xong.

Các bím tóc phía trước trán và bím tóc hai bên rủ tự nhiên xuống phía sau lưng. Ở phần đuôi bím tóc, phụ nữ sẽ đeo một cặp “phát sáo” hình chữ nhật. Chúng được làm thành từ sáu mảnh vải dạ Tạng với các màu sắc khác nhau và kết nối với nhau bằng sợi len mảnh. Công dụng của chúng là làm nền cho hồ phách. Số lượng hồ phách tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của gia đình, thường là từ hai cặp đến sáu cặp, đôi khi cũng có trường hợp chỉ đeo riêng phát sáo mà không cần kèm theo hồ phách.

Ở giữa hai bên trái phải của “phát sáo”, có treo một món trang sức được làm từ bốn nhánh san hô và hồ phách, gọi là “trà-lạc”. Một đầu của nó được gắn bằng đồng tiền bạc vào “gia-long” – phần tóc tết ở đỉnh đầu được gom lại thành một búi, đầu còn lại tự nhiên buông thả xuống cùng với đuôi tóc. Phát sáo hai bên và món trang sức trà-lạc ở giữa được kết nối bằng những chuỗi nhỏ san hô hồ phách, gọi chung là “phụ kiện tóc san hô”. Tùy theo điều kiện kinh tế của gia đình, mỗi chuỗi san hô hồ phách gồm từ một đến bốn chuỗi san hô nhỏ, và có thể xếp thành nhiều tầng trên dưới.

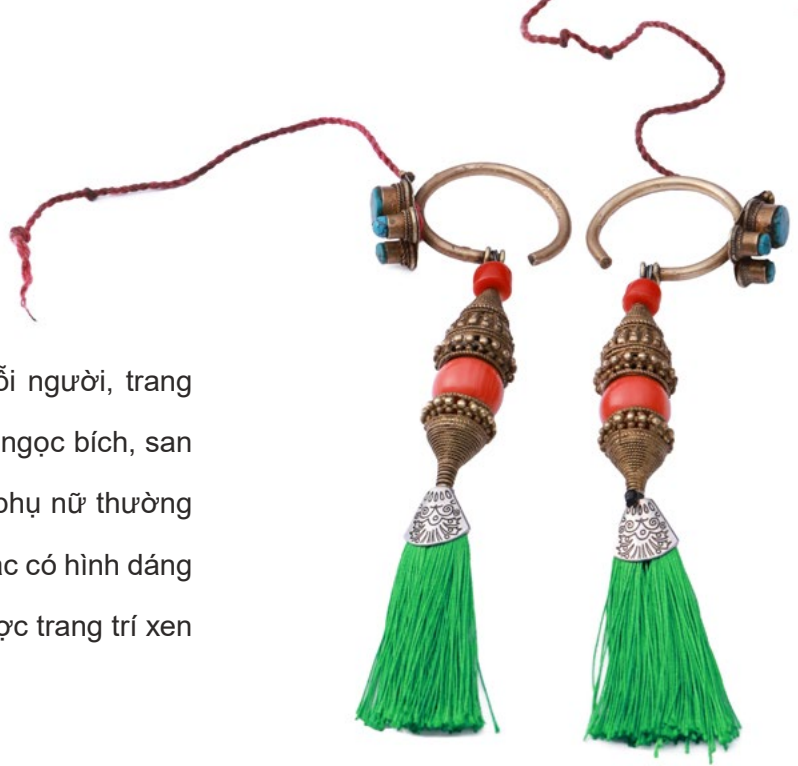




Trước đây, phần đuôi của tất cả các bím tóc ba lọn thường được buộc bằng sợi len màu xanh lam làm dây tết tóc cùng, nhưng về sau do chịu ảnh hưởng từ các khu vực khác, hiện nay đã phổ biến sử dụng sợi len màu đen. Tất cả các dây tết cùng này khi đến ngang thắt lưng sẽ được dệt ngang với len màu, gọi là “lạc-ngạch-thắc” hoặc “gia-cát”. Phía trên phần gia-cát, tại chỗ nối giữa phụ kiện tóc san hô và trà-lạc được trang trí bằng một món đồ trang sức bằng bạc có khảm ba viên ngọc lam hoặc san hô, bên dưới là chuỗi bạc, phần cuối chuỗi bạc có treo chuỗi chuông gọi là “hạ-quỳnh”. Phần đuôi tóc được tết thành một bím tóc ba lọn to bằng len đỏ, xanh lá và hồng, rồi được luồn qua thắt lưng. Đuôi bím tóc có đính tua rua, tua rua được chia làm hai nhánh, mỗi nhánh ở đầu được quấn chặt nhiều vòng bằng dây bạc và buông thả tự nhiên.

Trang sức đeo tai

Tùy vào điều kiện kinh tế của mỗi người, trang sức tai có thể được làm từ vàng, bạc, ngọc bích, san hô... Khi mặc trang phục trang trọng, phụ nữ thường lựa chọn đeo trang sức hoa tai bằng bạc có hình dáng giống như hạt đại mạch, phần đuôi được trang trí xen kẽ giữa vàng và san hô.



Áo choàng Tây Tạng

Trước đây, phụ nữ thường mặc áo choàng màu trắng nâu và áo choàng da, như khi mặc lễ phục trang trọng, họ sẽ chọn loại áo choàng được làm từ vải dệt lông cừu kết hợp với da cừu non, và thường dùng da rái cá hoặc da báo để làm viền áo. Cùng với sự phát triển của kinh tế, ngày càng nhiều người sử dụng áo choàng được may từ vải dệt lông cừu và lựa mua từ khu vực Vệ Tạng. Ngày nay, vải dệt lông cừu được xem là chất liệu tốt nhất cho trang phục lễ phục truyền thống.



Kháp-mã

Phần đế của Kháp-mã được làm từ một lớp vải nỉ làm nền, bên ngoài được quần bằng vải đỏ, phía trên được sắp xếp ngay ngắn các bông hoa bạc và đồng bạc, và được nối liền với trên đó xếp ngay ngắn các hoa bạc và đồng tiền bạc, và được nối với lạp-cái. Trên lạp-cái sử dụng ngà voi và nhẫn bạc trang trí xen kẽ với nhau. Khi đeo kháp-mã, sau khi quần quanh eo hai vòng sẽ có định một bên lạp-cái ở phía bên phải của cơ thể và để nó hơi rủ xuống tạo thành một đường cong.



Hồng bang-điển

Phụ nữ ở các khu vực chăn nuôi địa phương thường đeo một loại tạp dề có sọc đỏ gọi là “hồng bang-điển”. Giống như ở các vùng khác, ban đầu bang-điển được sử dụng để tránh làm bẩn phần trước áo khi làm các công việc hàng ngày như vắt sữa, nhưng theo thời gian, hiện nay nó đã trở thành một món đồ trang trí. Khi mặc trang phục Tây Tạng trong các dịp trang trọng, hồng bang-điển là phụ kiện không thể thiếu. Loại tạp dề này thường được làm từ sợi len cừu địa phương, qua nhiều công đoạn như nhuộm, dệt may, phần gấu dưới có tua rua. Phía trên tua rua, các tám dải vải nhiều màu như trắng, vàng, đỏ, xanh lá... được xếp ngang, tạo thành những sọc màu rực rỡ như cầu vồng, gọi là “đế-mã”. Phía trên đế-mã, hai đầu trái phải có trang trí bằng các dải vải hình tam giác, ở giữa là họa tiết ghép từ ba màu xanh dương, vàng, đỏ, có hình dạng giống với chiếc bùa trừ tà, gọi là “gia-ngõa”. Hồng bang-điển không chỉ có kỹ thuật chế tác tinh xảo mà còn nổi bật với sắc màu cực kỳ rực rỡ.

Ngoài ra, để thu hút gia súc, bên phải của hồng bang-diễn thường đeo thêm một túi muối có cùng chất liệu và kỹ thuật chế tác, cũng được trang trí với tua rua.

Môi trường địa lý đặc biệt và phong tục văn hóa đã tạo nên những trang phục và trang sức độc đáo. Qua trang phục của những người phụ nữ vùng chăn nuôi địa phương, ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp văn hóa rực rỡ cùng sự biến chuyển của lịch sử.



རྟུ་འོ་མེ་ལྷ་ཚུགས་དང་གོས་བྱེ།

Kiểu tóc và trang phục

của phụ nữ nông thôn

Đạo Phù





1 དབུ་སྒྲི།
སྒྲི་མ་ཐུང།
Sợi tổng

2 ལུང་ཐང་།
Khuyên tai
Long-đường

3 ཟེ་བཛ་མ།
ལག་ག་རིང་།
Sắc-đạt-mã

4 དབུ་ལ་ཐག།
Dây chuyền bạc

5 ཐེང་བཅད།
བཟུ་ཚད།
Xương-giai

Kiểu tóc

Ở khu vực nông thôn từ xã Khổng Sắc đến Tùng Lâm Khẩu, huyện Đạo Phủ, vùng Khang Ba, đặc biệt là khu vực Ni Thố, phụ nữ có một kiểu tóc độc đáo. Kiểu tóc này gồm hai kiểu chính là “lệ-quả” và “trát-cát”, đều được tạo thành từ các bím tóc và các dây tết cùng.

Mặc dù hai kiểu tóc này nhìn có vẻ đơn giản, nhưng thực tế chúng chứa đựng nhiều giá trị văn hóa sâu sắc, đồng thời cũng có hai cách búi tóc khác nhau:

Kiểu tóc của phụ nữ đã kết hôn gọi là “lệ-quả”. Khi tết tóc, đầu tiên chia tóc ở giữa đỉnh đầu thành hai phần trái phải, sau đó chia tóc làm hai phần từ phía sau gáy, tết thành hai bím tóc ba lọn. Đuôi bím được tết cùng với dây tết màu đỏ gọi là “ốc-gia”. Tiếp theo, hai bím tóc này được bắt chéo và quấn quanh đầu khoảng hai vòng, đuôi tóc được buộc nút lại cố định ở phía sau đầu, phần buộc nút lộ ra sẽ được giấu vào trong bím tóc.



Kiểu tóc của phụ nữ chưa kết hôn gọi là “trát-cát” hoặc “tư-ca-nhi-cát”. Đặc điểm của kiểu tóc này là tết tất cả tóc thành một bím tóc to, sau đó dùng dây tết cùng màu đỏ quấn chặt quanh bím tóc từ phía sau gáy, gần chân tóc, dài khoảng một cái đốt ngang tay. Tiếp theo, lấy một ống tre rỗng bằng kích thước ngón tay hoặc một cành cây gọi là “đức-nhiều” cắm ngang vào phần đuôi của bím tóc. Sau đó, tóc và dây tết cùng được tết lại thành một bím tóc ba lọn tương đối lỏng, bắt đầu từ bên tai phải, quấn một vòng lên đầu, cuối cùng phần dây len đỏ thừa ở đuôi bím tóc được kéo thẳng theo chiều ngang trên đỉnh đầu phía sau gáy và buộc cố định vào bím tóc bên tai trái để giữ kiểu tóc.



Khi phụ nữ xuất giá, kiểu tóc của họ sẽ chuyển từ “trát-cát” sang “lệ-quả”. Vào sáng sớm ngày về nhà chồng, cô dâu nhất định phải mời một người phụ nữ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí: cha mẹ đều còn sống, có con trai con gái, gia đình hòa thuận, chưa từng ly hôn, hợp tuổi và là người có lời nói, hành vi đúng mực. Người phụ nữ này sẽ tháo kiểu tóc “trát-cát” của cô dâu, gội sạch đầu, rồi tết lại thành kiểu “lệ-quả”, và còn phải tổ chức một nghi lễ tiễn cưới trọn vẹn và trang nghiêm. Từ thời điểm đó trở đi, người phụ nữ này phải giữ nguyên kiểu tóc “lệ-quả” suốt đời. Nếu phụ nữ đã kết hôn mà vẫn tết tóc thành một bím đơn thì sẽ bị coi là hành vi không đúng mực. Ngay cả khi chồng qua đời hoặc ly hôn, họ cũng phải duy trì kiểu tết hai bím tóc.

Ngày xưa, có quy định rất nghiêm ngặt về số lượng sợi len kết hợp, tuy nhiên hiện nay, phụ nữ trẻ thường vì muốn làm đẹp mà thêm nhiều sợi len vào tóc, trong khi phụ nữ lớn tuổi chỉ thêm một ít, những quan niệm truyền thống đã dần phai nhạt.

Theo lời kể của các bậc cao niên tại địa phương, trước đây phụ nữ còn đeo thêm hồ phách trên đỉnh đầu như một món đồ trang sức. Tuy nhiên, hiện nay ở thị trấn Đạo Phủ và các khu vực lân cận, tập tục này đã hiếm khi được thấy. Dù vậy, tại vùng nông thôn của xã Giáp Tư Khổng, tập quán này vẫn còn được gìn giữ.

Ngoài ra, hiện nay dù là phụ nữ trẻ hay lớn tuổi, sau khi tết tóc và quấn quanh đầu, họ đều đội một chiếc lưới tóc làm bằng sợi tơ đen để giữ cho tóc không bị xõa ra ngoài.



Trang phục



Giống như phụ nữ ở các vùng khác, họ sẽ đeo “long-đường” trên tai, và trên cổ đeo vòng cổ bằng san hô hoặc hộp ca-ô (Gau).

Vào mùa đông, phụ nữ thường mặc một loại áo choàng hơi nhỏ trên người, làm từ da nhân tạo; còn vào mùa hè, họ thường mặc loại váy dài không tay làm bằng vải. Loại váy này trong tiếng Dao Phù gọi là “sắt-đạt-mã”, trong đó “sắt-đạt” nghĩa là tay áo, còn “sắt-đạt-mã” là chỉ trang phục không có tay áo, đôi khi còn được gọi là “ca-nhung”. Trong những dịp quan trọng cần ăn mặc trang trọng, người ta sẽ lựa chọn mặc áo choàng làm từ vải dệt lông cừu hoặc da cừu.

Dù mặc loại áo choàng nào, hai bên eo đều sẽ được gấp một nếp vải về phía sau để tạo ra xếp ly, chứ không có nhiều nếp xếp ly như ở các vùng khác—đây là nét đặc trưng chung của phụ nữ ở năm khu vực Hoắc Nhĩ. Bên trong áo choàng, phụ nữ thường phối với áo sơ mi kiểu Tây Tạng màu đỏ hoặc hồng nhạt. Trước đây, họ thường thích đeo bang-diễn màu đen, còn ngày nay thì ưa chuộng loại bang-diễn có sọc cầu vòng.





Khi làm việc, để tiện cho việc vá sửa quần áo kịp thời, phụ nữ thường treo một túi kim chỉ ở bên phải thắt lưng. Tuy nhiên, ngày nay chiếc túi này đã trở thành một món phụ kiện trang trí với những hoa văn thêu tinh xảo. Ở bên eo phải, họ còn đeo một con dao rựa.

Ngoài ra, ở hai bên hông, người ta còn treo một chiếc dây chuyền bạc được chế tác tinh xảo làm đồ trang trí. Khi đeo, dây chuyền bạc sẽ hơi buông xuống phía trước, tạo thành một cung hình bán nguyệt, trên đó điểm xuyết những nút thắt cát tường bằng bạc và những bông hoa bạc khảm đá quý.



Ngoài ra, còn có một món đồ trang sức đặc biệt được đeo ở hai bên cơ thể, gọi là “xương-giai” – một loại máy đếm. Phần trung tâm của nó là một nút thắt cát tường hình lục giác, được tô điểm trang trí bằng hồng ngọc hình ô liu. Toàn bộ cấu trúc được chia thành ba tầng: trên, giữa và dưới, buông thõng một cách tự nhiên. Máy đếm này ban đầu được dùng để ghi lại số lần tụng chú. Mỗi khi lần xong một chuỗi, sẽ gảy một hạt ở tầng dưới; mỗi nghìn lần, sẽ gảy một hạt ở tầng giữa; đến một vạn lần, thì gảy một hạt ở tầng trên; khi toàn bộ các hạt ở tầng trên đều được gảy hết, tức là đã hoàn thành mười vạn lần tụng niệm. Ngày nay, những bộ đếm số tinh xảo này chủ yếu được đeo như một phụ kiện trang trí trong dịp lễ phục trọng thể, thể hiện sự kết hợp giữa tín ngưỡng và thẩm mỹ truyền thống.



Ở bàn chân, phụ nữ mang các loại boots Tây Tạng như giày bố-mã-tạp-đạp và giày quả-tắc, những đôi giày này thường được làm từ da bò yak hoặc da sơn dương Tây Tạng.

Trang phục của phụ nữ địa phương nổi bật với sự giản dị, trang nhã làm chủ đạo, từng chi tiết nhỏ đều thể hiện sự tôn trọng và kế thừa vẻ đẹp truyền thống. Đồng thời, kiểu tóc không chỉ là nét trang trí bên ngoài mà còn mang trong mình dấu ấn lịch sử và tinh hoa văn hóa.





ཉག་རོང་སྤེས་པའི་སྐ་ཚུགས།
Kiểu tóc nam giới
Tân Long





① ལུང་སྒྲི
ཕྱོགས་སྒྲི
Sắc-loại / Tu-loại

② བོ་སའི་མཐེན་གོར།
Vòng ngà voi

③ སྒྲ་འཇུ།
Trác-kiệt

④ སྒྲ་འཕན་དམར་བོ།
Tua rua đỏ



Nhìn chung, bất kể nam hay nữ, để tóc dài là một phong tục truyền thống độc đáo của người Tạng. Sau khi tết tóc xong, họ gắn thêm sợi tơ đỏ tạo thành “tua rua đỏ” và quấn lên đỉnh đầu – đây là đặc điểm nổi bật nhất của nam giới vùng Khang Ba (Kham). Đặc biệt là nam giới ở Tân Long, dù trong các dịp lễ hội như đốt hương cầu may (ổi tang) hay trong sinh hoạt thường nhật, họ thường khâu thêm vòng ngà voi và nhấn vào chùm tua đỏ rồi cuộn quanh đầu.

Kiểu tóc gồm các thành phần như tua rua đỏ, vòng ngà voi và nhấn.

Trước kia, nam giới ở Tân Long chủ yếu để tóc xõa, ít khi tết bím. Tuy nhiên, vào những dịp đua ngựa, các kỵ sĩ sẽ tết tóc thành ba đến năm bím – kiểu tóc này trong tiếng địa phương Tân Long được gọi là “thổ-nhiệt”, và cũng là hình thức kiểu tóc sớm nhất của nam giới Tân Long. Về sau, họ chỉ tết một vài bím nhỏ và gắn chùm tua đỏ vào đuôi tóc, được gọi là “kiểu tóc Hoắc Nhĩ”. Ngày nay, họ thường nổi sợi tơ đỏ vào phần đuôi tóc xõa rồi quấn lên đầu, kiểu tóc này được gọi là “a-nhiệt”.

Nam giới thường tết ba bím tóc trên đầu, trong đó một bím ở chính giữa đỉnh đầu gọi là “thác-loại”, hai bím hai bên được gọi là “sắc-loại” hoặc “tu-loại”. Những bím tóc này thường được tết thành bím dẹt năm lọn hoặc chín lọn. Bím chín lọn tượng trưng cho chín năng lực của người đàn ông, còn được gọi là “Chín năng lực của trượng phu”, mang ý nghĩa sức mạnh oai nghiêm không bao giờ suy giảm – vừa may mắn



lại vừa tinh xảo, đẹp mắt. Trong khi đó, bím năm lọn tượng trưng cho ngũ phương Phật, có khả năng xua đuổi tà khí và bảo vệ các vị thần ngự trên cơ thể và đôi vai. Tuy bím năm lọn có vẻ đơn giản, mộc mạc hơn so với bím chín lọn, nhưng cả hai đều được xem là mang lại tài lộc và may mắn.

Ba bím “thác-loại” sẽ được gom lại cùng phần tóc còn lại, sau đó dùng “tơ quấn tóc” quấn chặt phần đuôi tóc. Tiếp đến, tua rua sẽ được gắn vào, và trên đó sẽ được khâu thêm nhẫn và vòng ngà voi theo khoảng cách nhất định. Cách kết hợp phổ biến nhất là một vòng ngà voi được khâu giữa hai chiếc nhẫn. Những bím tóc được trang trí này sẽ buông lỏng xuống bên tai phải, tạo thành kiểu búi tóc buông xoắn gọi là “búi tóc thả xoắn”. Sau đó, phần tua đỏ còn lại sẽ được quấn thêm hai vòng quanh đầu. Đuôi của chùm tua có thể thả lỏng xuống bên tai trái hoặc được giấu hẳn vào trong bím tóc.



Chùm tua đỏ có nhiều công dụng. Thứ nhất, nó được xem là có thể mang lại cho nam giới lòng dũng cảm và sức mạnh. Thứ hai, trong trường hợp giao chiến bằng đao kiếm hoặc gậy gộc, nếu đầu bị tấn công, chùm tua đỏ có thể đóng vai trò bảo vệ nhất định; trước kia, người ta còn đan thêm dây thép vào bên trong để tăng cường khả năng bảo vệ đầu. Thứ ba, nó còn có tác dụng giữ ấm. Chính vì vậy, người ta thường xuyên để kiểu tóc này.

Ban đầu, người ta chỉ dùng tua màu đen để quấn tóc. Tuy nhiên, đến thời kỳ Lương-cách-cống-bổ-lang-cát, cùng với việc một lượng lớn sợi tơ đỏ được đưa từ vùng Vệ Tạng đến, tập tục quấn chùm tua đỏ bắt đầu hình thành và dần trở nên phổ biến. Tương truyền rằng, đội quân Tân Long do Lương-cách-cống-bổ-lang-cát chỉ huy từng đóng quân lâu dài ở các khu vực như Giang Đạt và Cống Giác dưới quyền của thổ ti Đức Cách, khiến kiểu tóc của quân nhân Tân Long lan rộng ở những nơi này và được gọi là “nạp-trát”. Về sau, khi các thương nhân từ Cống Giác và Giang Đạt đến Tân Long, người Tân Long thấy họ cũng quấn tóc bằng chùm tua đỏ, nên gọi kiểu tóc ấy là “cống-giác-chiết”. Kể từ đó, trào lưu quấn chùm tua đỏ lan rộng khắp Tân Long, khiến nơi này còn được mệnh danh là “Tân Long Đỏ xứ Khang Ba (Kham)”. Dù vậy, vẫn có một số bậc lão niên kiên trì giữ gìn truyền thống quấn tóc bằng chùm tua đen.

Trong nhóm người cao tuổi, kiểu tóc búi có hai dạng: một số ít các bậc lão sẽ quấn chùm tua lên đỉnh đầu, và số lượng tua thường không nhiều; còn đa số thì không quấn tua đỏ mà chỉ khâu một chiếc vòng ngà voi vào bím tóc, để tóc buông tự nhiên ra sau lưng. Ngược lại, giới trẻ lại chú trọng hơn đến tính thẩm mỹ của chùm tua đỏ – chùm tua họ quấn thường to và dày, đồng thời cố ý để phần đuôi tua dài ra đáng kể. Người ta cho rằng, kiểu tóc như vậy không chỉ tôn lên vẻ hồng hào khỏe mạnh của nam giới, mà còn làm tăng thêm khí chất oai phong, mạnh mẽ.

Trên chùm tua đỏ thường được khâu kèm nhẫn bạc đính lam ngọc và vòng ngà voi. Trong đó, vòng ngà voi có tác dụng trừ tà, còn nhẫn đính lam ngọc được cho là mang sức mạnh huyền bí giúp xoa dịu và an định tâm hồn. Ban đầu, người ta còn đeo một đồng bạc hoặc một chiếc mỹ-long (trang sức gắn đá quý) ở vị trí chính giữa chân tóc trên trán, gọi là “trác-kiệt”. Mục đích ban đầu là để giữ chùm tua đỏ không buông xuống che mặt. Về sau, khi kích thước của mỹ-long ngày càng lớn, nó dần dần trở thành một món đồ trang sức.





Trước kia, ở một số khu vực của Tân Long, người dân còn sử dụng hai loại khăn trùm đầu làm từ len cừu và vải, gọi là “a-đức” hoặc “trát-đạt”. Họ thường dùng ngọc trai khổng lồ hình tròn (trân châu khảm – tức đá xà cừ hoặc ngọc trai hóa thạch) để thay thế đồng bạc làm đồ trang trí gắn trên khăn. Tương truyền, thiết kế này nhằm ngăn ngừa hiện tượng “mất hồn”.

Ngoài ra, người dân còn giữ tục để tóc mái trước trán. Một mặt, điều này giúp giảm bớt tác động của ánh sáng chói khi di chuyển trên nền tuyết, từ đó làm giảm nguy cơ mắc chứng mù tuyết; mặt khác, nó cũng góp phần tạo nên khí thế uy nghi, có tính răn đe đối với đối thủ.

Cách quấn chùm tua đở của nam giới vùng nông nghiệp và vùng chăn thả có đôi chút khác biệt. Nam giới ở vùng nông nghiệp thường hoạt động trong môi trường rừng cây rậm rạp, địa hình gồ ghề, nên số lượng chùm tua ít hơn và được quấn chặt hơn. Trong khi đó, nam giới vùng chăn thả sống ở những khu vực tương đối rộng thoáng, vì vậy cách quấn chùm tua đở của họ thường lỏng hơn, phần tua đở ở đường chân tóc trước trán cũng nổi bật hơn, thể hiện phong thái hào sảng và mạnh mẽ.

Việc quấn chùm tua đở không chỉ là cách để nam giới Tân Long thể hiện khí chất và tô điểm diện mạo của bản thân, mà còn hàm chứa nhiều giá trị văn hóa đặc sắc liên quan đến phong tục địa phương và lối sống riêng biệt.





ཉག་རོང་སྟོང་མའི་བུད་མེད་ཀྱི་སྒྲ་ཚུགས།

Kiểu tóc nữ giới Thượng

Chiêm Tân Long



① རྩོག་སྒྲིལ།
རྩོག་ལེབ།
Thác-loại

② རྩོད་སྒྲིལ།
Thác-trát

③ གྲུབ་སྒྲིལ།
Gia-trát



④ རྩོད་སྒྲིལ།
Tân-biến

⑤ རྩོད་ལྷུང་སྒྲིལ།
Thác-hư

⑥ རྩོད་ལྷུང་སྒྲིལ།
Trà-lạc

⑦ ལྷུང་ལྷུང་སྒྲིལ།
Lạc-ngạch-thác

⑧ རྩོད་ལྷུང་སྒྲིལ།
Trác-âu

Trần Đại Cái nằm ở phía tây bắc huyện Tân Long, cách trung tâm huyện khoảng 55 km, với độ cao trung bình khoảng 3.100 mét so với mực nước biển. Tại khu vực Thượng Chiêm của Tân Long, đặc biệt là ở trần Đại Cái, phụ nữ mỗi khi tham dự lễ cưới hoặc các dịp lễ hội lớn thường mặc trang phục truyền thống và búi tóc theo một kiểu dáng vô cùng độc đáo.

Kiểu tóc và phụ kiện tóc

Thông thường, các bé gái ở Tân Long chỉ để tóc ngắn khi còn nhỏ. Từ khoảng 5 tuổi, các em bắt đầu để tóc dài nhưng không tết, gọi là “a-nhiệt”. Khi lớn dần, mái tóc dài chưa tết này được gọi là “a-nhiệt-khẩu-táp-giang-la”. Ngoài ra, họ còn tết tóc thành nhiều bím nhỏ, rồi kết lại phía sau gáy theo hình dáng giống chiếc gáo múc nước, gọi là “tát-gia-quả”. Những kiểu tóc này đều là dấu hiệu đặc trưng dành riêng cho các cô gái chưa kết hôn.

Vài ngày trước lễ cưới, gia đình sẽ chuẩn bị nhiều việc cho cô dâu, trong đó việc tết tóc là một nghi lễ quan trọng. Việc tết tóc do một bậc trưởng bối khéo tay đảm nhiệm, có hai người phụ giúp bên cạnh. Sau khi gội sạch và chải mượt tóc, mới tiến hành tết. Trong quá trình tết tóc, cần chuẩn bị một chiếc đĩa nhỏ đựng ít nước sạch. Phần tóc rụng được gom lại sẽ được nhào kỹ với bơ trâu yak bằng tay, sau đó thả vào nước — hỗn hợp này được gọi là “hỗn hợp bơ chải tóc” (hay còn gọi là bơ vuốt tóc theo cách gọi địa phương). Khi bôi lên tóc, nó giúp ngăn tóc rối, dễ chải hơn, đồng thời tạo độ bóng và vẻ đẹp tự nhiên cho mái tóc.

Người tết tóc sẽ chia mái tóc của cô dâu thành nhiều phần khác nhau: “thác-loại” (bím đỉnh đầu), “gia-trát” (bím sau gáy), “thác-trát” (bím phía trên) và “nạp-trát” (bím hai bên mai), sau đó tiến hành tết từng phần riêng biệt. Trước tiên, tóc từ đỉnh đầu đến trán được chia đôi theo đường giữa, rồi lấy một lượng tóc lớn ở phần trước đỉnh đầu để tết thành nhiều bím tóc dẹt, gọi là “thác-loại”. Do hình dạng dẹt nên còn được gọi là “bím dẹt”. Số lượng bím này có thể dao động từ 20 đến 100 bím, với độ rộng từ hai đến sáu ngón tay. Người ta cho rằng số lượng càng nhiều, bím càng to thì càng đẹp; thậm chí còn có câu nói rằng “thác-loại rộng như cánh cửa”. Đây là nét đặc trưng trong kiểu tóc của phụ nữ bản địa và là một cách thể hiện vẻ đẹp độc đáo của họ.



Từ phần sau gáy, người ta lấy một nhúm tóc rồi tết thành nhiều bím nhỏ, gọi là “gia-trát”. Ngoài “thác-loại” và “gia-trát”, những bím nhỏ khác trên đầu được gọi chung là “thác-trát”. Ở hai bên mai tóc, mỗi bên chọn một bím rồi kết hợp tết lại, tạo thành “na-trát”.

Sau khi hoàn tất việc tết tóc, gia đình cô dâu sẽ biếu người tết tóc một ít thịt hoặc bánh phở mai như một lời cảm ơn – đây là phong tục truyền thống được lưu truyền từ tổ tiên, mang ý nghĩa tốt lành.

Trước đây, những gia đình giàu có thường sử dụng một loại trang sức tóc sang trọng bằng hổ phách, gọi là “quả-cát”. Món trang sức này gồm phần hổ phách đặt trên đỉnh đầu, phía trên gắn nhánh san hô làm chóp trang trí, phía dưới lót một miếng đệm bằng da Tây Tạng hoặc da thuộc. Quả-cát kéo dài từ sau gáy xuống tận vạt áo choàng phía sau, trên đó được đính từ hai đến bốn viên hổ phách tùy theo điều kiện kinh tế của gia đình.

Đầu cuối của quả-cát được trang trí bằng các đĩa tròn bằng vàng, bạc hoặc hỗn hợp vàng bạc, có hình dạng giống như viên bảo châu mani, bề mặt chạm khắc hoa văn hoặc họa tiết bát cát tường. Đối với các gia đình có điều kiện kinh tế trung bình, thường chỉ đeo quả-cát đơn giản, không có trang trí cầu kỳ.





Các cô gái chưa kết hôn thì không đeo quả-cát mà thay thế bằng “trà-lạc” (chale), một loại trang sức gồm bốn dải nhỏ kết từ san hô và hổ phách.

Ở phần đuôi tóc, người ta sử dụng sợi len đỏ và vàng để đan xen theo chiều ngang, tạo thành một hình thức sắp xếp lỏng và tự nhiên, được gọi là “lạc-ngạch-thắc”. Phần cuối của kiểu tết này thường để lại những chùm tua len mềm mại.

Ở hai bên bím tóc thác-loại cạnh trang sức quả-cát, người ta còn đeo thêm một loại phát sáo gọi là “thác-hươu”. Phát sáo này được lót bằng dạ Tây Tạng màu đỏ, bên ngoài gắn từ bốn đến tám cặp hổ phách, thả dài từ vai xuống đến ngang eo.

Giữa hai phát sáo hai bên còn đeo thêm hai cụm trang sức tóc bằng san hô, mỗi cụm gồm bốn chuỗi hạt kết từ san hô và hổ phách, tạo thành các chuỗi trang trí theo tầng trên và tầng dưới.

Ở hai bên tóc mai, mỗi bên được nối thêm một sợi len đỏ và trắng được vặn xoắn lỏng lẻo với nhau, dùng để cố định tất cả các bím nhỏ. Sợi này sẽ thả nhẹ xuống phía sau lưng.

Trên miếng đệm gọi là “tư-hu” hoặc “ma-thiết”, mỗi bên được gắn một chiếc chùy bạc nhỏ gọi là “trác-âu”, bên trên có gắn san hô. Khi đeo, hai đầu của tấm tư-hu sẽ được gài vào thắt lưng, để chúng tự nhiên rủ xuống hai bên của trang sức quả-cát. Tuy nhiên, trên tư-hu chỉ được trang trí bằng trác-âu mà không khảm thêm hổ phách.

Việc tết tóc thác-loại mang ý nghĩa văn hóa đặc biệt tại địa phương, là dấu hiệu phân biệt giữa phụ nữ chưa kết hôn và đã kết hôn. Trước đây, phụ nữ khi kết hôn bắt buộc phải tết thác-loại, nếu phụ nữ đã lập gia đình mà không tết kiểu tóc này sẽ bị xem là điếm gở và dễ bị người đời dị nghị, bàn tán. Ngược lại, nếu thiếu nữ chưa chồng lại tết thác-loại thì cũng bị cho là không may mắn.

Do đó, một khi người phụ nữ đã bắt đầu tết thác-loại, thì phải giữ kiểu tóc ấy mãi về sau. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt như đi tu hoặc góa chồng, họ mới có thể ngừng tết thác-loại.

Tuy nhiên, theo thời gian, phong tục này đã dần thay đổi. Ngày nay, kiểu tóc này chỉ còn xuất hiện trong các dịp đặc biệt như hoạt động dân gian hay lễ cưới. Trong đời sống thường nhật, rất ít người còn giữ kiểu tóc này, và số người thực sự biết cách tết thác-loại cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay.

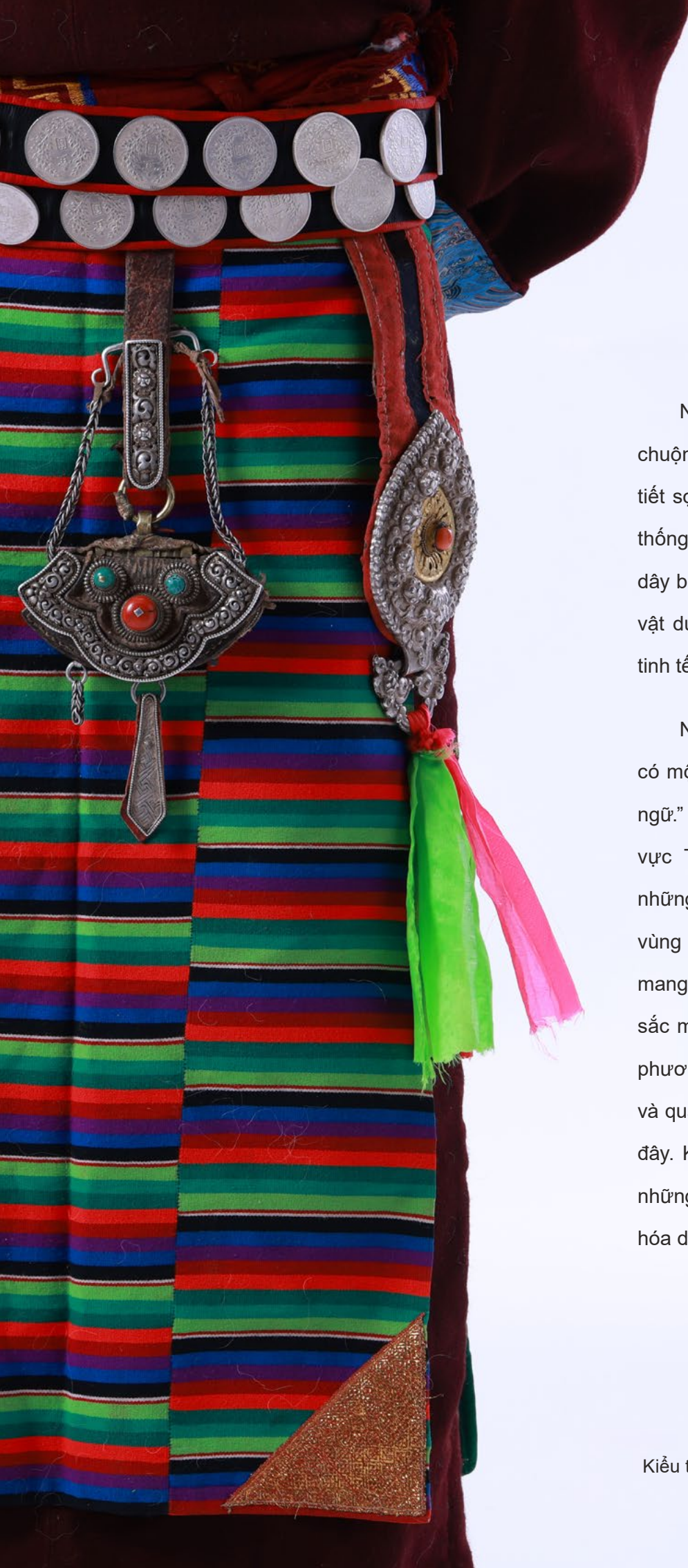




Các trang phục và phụ kiện khác

Trước kia, phụ nữ địa phương vào mùa đông thường mặc áo choàng làm từ da thú, còn mùa hè thì mặc áo choàng bằng vải nỉ màu đỏ tía. Khi diện trang phục lễ phục, họ sẽ mặc áo choàng làm từ vải phở-lỗ hoặc áo choàng làm từ da cừu non. So với trang phục truyền thống ở các khu vực khác của Tân Long, cách ăn mặc này không có nhiều điểm khác biệt.

Về mặt trang sức, phụ nữ nơi đây thường đeo vòng cổ bằng san hô hoặc thiên châu, cùng với hộp ca-ô (Gau) chế tác từ vàng bạc, mang ý nghĩa tâm linh. Trên tai, họ đeo những hoa tai to và dài, có hình dạng giống như hạt đại mạch, vừa nổi bật vừa độc đáo. Ở eo, họ thắt một dải trang sức gọi là “cáp-mã”, được kết từ hàng loạt đồng bạc cổ xếp liền nhau, có thể quấn quanh eo ba vòng.



Ngày nay, phụ nữ địa phương ưa chuộng bang-diễn bằng vải phổ-lỗ họa tiết sọc cầu vòng, vừa rực rỡ vừa truyền thống. Quanh thắt lưng, họ còn treo thêm dây bạc, hộp đựng kim chỉ, túi nhỏ và các vật dụng sinh hoạt xinh xắn, thể hiện sự tinh tế trong đời sống thường nhật.

Như tục ngữ có câu: “Một thung lũng có một phong tục, một vùng có một ngôn ngữ.” Phong cách phối đồ của phụ nữ khu vực Thượng Chiêm ở Tân Long mang những nét độc đáo riêng biệt so với các vùng khác. Đặc biệt là kiểu tóc thác-loại mang tính biểu tượng, không chỉ thấm đẫm sắc màu văn hóa và tập tục dân gian địa phương, mà còn thể hiện trí tuệ của tổ tiên và quan niệm thẩm mỹ của người dân nơi đây. Kiểu tóc này đã trở thành một trong những biểu tượng nổi bật nhất của văn hóa dân gian Tân Long.



མིང་ལྷན་མི་ཉག་པའི་གོས་བྱེ།

Trang phục dân tộc

Tạng Thạch Miên Mộc Nhã





1 མགོ་རས།
Khăn quần đầu

2 བ་ནེ་ཅི།
Bàn-nữu

3 སྒྲོད་འགག།
Áo khoác ngoài

4 སྒྲུ་བ།
Áo dài

5 བ་ཁེ་བས།
Khăn eo

Người Tạng Mộc Nhã ở huyện Thạch Miên chủ yếu sinh sống tại các khu vực dọc lưu vực sông Tùng Lâm, như vùng dân tộc Tạng Giải Loa, vùng dân tộc Tạng Tiên Phong... Khu vực này có độ cao trung bình khoảng 1.800 mét, thuộc khí hậu gió mùa núi cận nhiệt đới. Môi trường địa lý đặc thù đã giúp những phong tục tập quán truyền thống của người dân nơi đây được gìn giữ và tiếp nối đến ngày nay.

Theo lời kể của người dân địa phương, người Tạng Mộc Nha ở Thạch Miên có nguồn gốc di cư từ khu vực Vệ Tạng (khu vực trung tâm Tây Tạng ngày nay). Ban đầu, tổ tiên của họ tại vùng Vệ Tạng đều mặc trang phục truyền thống là áo choàng Tạng, không phân biệt nam nữ. Tuy nhiên, sau khi chuyển đến sinh sống tại Thạch Miên, để thích nghi với điều kiện sản xuất, sinh hoạt cũng như biến đổi khí hậu, họ dần dần hình thành nên một nền văn hóa trang phục mang bản sắc riêng biệt như ngày nay.

Hiện nay, dưới tác động của văn hóa ngoại lai, trang phục truyền thống của người Tạng Mộc Nhã chỉ còn xuất hiện trong các dịp lễ như lễ Sái Phật, “Thập-kết-la-bố” – một hoạt động dân gian truyền thống – hoặc các buổi biểu diễn văn nghệ dân tộc.

Khăn trùm đầu

Khăn trùm đầu là một dải khăn dài quấn lỏng quanh đầu, có chiều rộng khoảng bảy ngón tay, dài khoảng sáu mét. Nguồn gốc của loại khăn này liên quan đến một truyền thuyết cổ xưa của ngôi làng nơi đây.

Nam giới thường quấn khăn đầu màu đen, trong khi nữ giới có thể chọn khăn màu đen, màu xanh lam hoặc màu trắng. Hai đầu khăn được trang trí bằng các sợi chỉ màu sắc sặc sỡ.

Thiếu nữ trẻ thường quấn khăn trắng, còn phụ nữ trưởng thành lại có xu hướng dùng khăn màu đen.



Bàn-nựu

Bàn-nựu, trong phương ngữ địa phương gọi là bạch-nãi-tử, là một loại trang sức đội trán. Phần đế lót của nó có dạng dải dài, trước đây thường được làm bằng da, nhưng ngày nay chủ yếu sử dụng vải.

Trên nền đế này được trang trí bằng các sọc thêu chỉ màu, và gắn đều từ sáu đến bảy hạt bạc hình cầu (bạc tròn). Bàn-nựu thường được kết hợp với khăn trùm đầu khi sử dụng, và tương truyền rằng kiểu dáng của nó có thể thay thế mũ giáp, đồng thời mang ý nghĩa trừ tà hộ thân.

Do điều kiện kinh tế của mỗi gia đình khác nhau, chỉ những gia đình khá giả mới có bàn-nựu, và họ thường truyền lại cho thế hệ sau như một vật gia bảo.





Áo choàng

Áo choàng dài của nam giới có kiểu dáng tương tự với áo choàng truyền thống của người Tạng, nhưng cũng có một số điểm khác biệt: áo choàng truyền thống sử dụng cổ chéo liền mảnh, trong khi áo choàng của người địa phương lại có cổ dựng lật ra, và phần cổ áo tách rời với đường viền ngực; áo truyền thống có tà trong và tà ngoài dài bằng nhau, còn áo địa phương thì tà trong ngắn hơn, chỉ dài đến phần thân trên; áo choàng truyền thống đa số không có đường xẻ bên, nhưng áo địa phương thường có một đường xẻ dài ở bên trái. Đôi khi, tà ngoài của áo sẽ được nhét vào thắt lưng. Khi mặc trang phục lễ hội, nam giới còn kết hợp thêm áo khoác không tay (gile) làm từ da dê và lông bò.

Áo choàng dài của nữ giới ngắn hơn so với nam giới, nhưng về kiểu dáng thì cơ bản giống nhau. Phần cổ áo và viền ngực phía trong được trang trí bằng các loại vải hoa và chất liệu khác, trong khi cổ tay áo được viền bằng dải vải màu đen rộng khoảng bốn ngón tay, nhằm mục đích chống mài mòn và giữ sạch.



Áo khoác ngoài

Áo khoác ngoài của nữ giới được làm bằng vải hoa màu đen, là một loại áo gile không tay với vạt áo chéo mở sang bên phải. Viền cổ áo được đắp viền trang trí, còn phía trong nách áo (phần nách thay cho tay áo) cũng được may viền lót cẩn thận. Thường được mặc bên ngoài áo choàng dài.





Khăn quần eo

Khăn quần eo của người địa phương chủ yếu được làm từ vải đen, phổ biến với hai kiểu dáng:

Một loại là kiểu buộc ngang hông, giống như ở các khu vực khác, được buộc trực tiếp quanh eo; loại còn lại là kiểu đeo qua cổ, khi mặc sẽ dùng dây bạc đeo qua cổ.

Với kiểu buộc eo, mép trên cùng của khăn thường được viền bằng một dải vải màu sắc, khi đeo thì thắt dây ở phía trước cơ thể.

Với kiểu đeo cổ, chính giữa khăn có một chuỗi dây bạc, hai đầu dây bạc được gắn ba hạt trang trí bằng bạc. Phía trên khăn có hai đường chỉ màu trang trí. Khi mặc, trước tiên đeo dây bạc lên cổ, sau đó buộc dây khăn quanh eo. Mặt trong của khăn, hai bên trái phải đều được viền bằng vải hoa để tránh bị mài mòn ở phần mép.



Phụ kiện

Theo lời kể của người dân địa phương, trong quá khứ nam giới thường mang theo một loại dao, được bọc trong bao làm bằng da hoặc gỗ. Nữ giới thì đeo túi kim chỉ, dùng để đựng kim, chỉ và vật dụng may vá. Tuy nhiên, ngày nay những vật dụng này hầu như đã biến mất, chỉ còn được lưu truyền trong lời kể của người dân.

Nam nữ đều mặc quần rộng màu đen ở phần thân dưới, chân thì mang dép cỏ hoặc một loại giày đặc biệt làm từ vỏ măng tre. Loại giày vỏ măng này được làm bằng cách xếp chồng 4–5 lớp vỏ măng tre lại với nhau, cắt thành hình đế giày, sau đó khâu lại thành đế, rồi gắn phần thân giày bằng vải vào đế, là hoàn thành một đôi giày.



Phụ kiện trang phục khác

Các trang phục và phụ kiện truyền thống khác còn được lưu truyền tại địa phương bao gồm mũ bát tiên, áo mề quái, áo gile không tay.

Mũ bát tiên là một loại mũ dành cho trẻ em, được làm nền bằng vải đen, phía trước mũ gắn chín pho tượng thần nhỏ bằng bạc.

Ở hai bên tai mũ có tua rua làm từ sợi len đỏ buông xuống, mỗi bên còn được gắn một đĩa bạc nhỏ cỡ đồng bạc. Đỉnh mũ được khâu từ nhiều loại vải khác nhau thành hình các con vật nhỏ.

P phía dưới mũ có dây buộc làm từ xích bạc mảnh, trên đó còn gắn một chiếc chuông nhỏ bằng bạc, tạo nên sự sinh động và vui mắt, đồng thời mang ý nghĩa trừ tà, bảo vệ trẻ nhỏ.

Loại mũ này có hình dáng tương tự với mũ bát tiên của người Tạng Nhĩ Tô ở vùng lân cận, nhưng phong tục đội mũ lại khác nhau: Trẻ em của người Tạng Ỡ Tô có thể đội mũ từ khi được tám tháng tuổi; trong khi đó, trẻ em của người Tạng Mộc Nha thường phải đợi đến hai hoặc ba tuổi mới bắt đầu đội, và thường đội đến khoảng năm hoặc sáu tuổi.

Người dân địa phương tin rằng loại mũ này có tác dụng trừ tà, xua đuổi điều xấu, bảo vệ trẻ nhỏ khỏi những ảnh hưởng tiêu cực.



Áo Mễ quái là một loại áo choàng ngắn, được làm từ lông dê và lông bò do người dân tự chăn nuôi và thu hoạch, sau đó trải qua nhiều công đoạn dệt thủ công để hoàn thiện.

Áo gile không tay được làm từ da dê hoặc lông bò, chủ yếu dùng khi lao động sản xuất. Trong đó, áo gile bằng da dê có thể giảm áp lực lên lưng, ngăn ngừa việc mang vác vật nặng gây tổn thương vùng lưng; còn áo gile bằng lông bò thì có khả năng chống thấm nước tốt hơn.

Vào đêm của lễ hội Sái Phật, người dân trong làng sẽ tổ chức màn biểu diễn dân gian gọi là thập-kết-la-bồ. Mười một người đàn ông sẽ đảm nhận các vai diễn khác nhau, trong đó hai người đóng vai vợ chồng già đều mặc áo mế-quái, nhưng người đóng vai ông chồng thì cần mặc thêm một chiếc áo gile bằng da dê, mặc ngược ra ngoài.

Trang phục của người Tạng Mộc Nha ở Thạch Miên là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố lịch sử, địa lý và môi trường, thể hiện rõ trí tuệ và óc sáng tạo của cộng đồng trong quá trình thích nghi lâu dài với điều kiện tự nhiên và biến đổi xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình truyền thừa ở thời hiện đại, các loại trang phục truyền thống này đang phải đối mặt với không ít thách thức.

Chúng chỉ còn xuất hiện trong các dịp lễ hội lớn như lễ Sái Phật, còn trong đời sống thường nhật thì hầu như đã vắng bóng. Hiện tượng này phản ánh sự ảnh hưởng mạnh mẽ của lối sống hiện đại đối với các tập tục truyền thống, nhưng đồng thời cũng cho thấy rằng người dân vẫn đang nỗ lực gìn giữ và duy trì nét văn hóa đặc sắc này một cách có ý thức.





ཕྱིན་སྒྲོན་ཨེར་སུག་པའི་གོས་རྒྱུན།

Trang phục dân tộc

Tạng Thạc Miên Nhĩ Tô





① མགོ་རས།
Khăn đội đầu

② སྒོ་ལག་ག།
Áo gile

③ རུལ་ལེན།
Áo sơ mi (nữ)

④ རུལ་ལེན།
Áo dài (nam)

⑤ སྒྲ་རག་ས།
Thắt lưng

⑥ བང་ཁེབ་ས།
Khăn quấn eo

Pháo đài Giải Loa huyện Thạch Miên, nằm ở bờ nam sông Đại Độ và bờ đông sông Tùng Lâm, ba mặt được núi non bao quanh, pháo đài Giải Loa cách trung tâm huyện Thạch Miên khoảng 23 km. Địa hình nơi đây cao ở phía nam, thấp dần về phía bắc, với độ cao khoảng 1.600 mét so với mực nước biển.

Tại đây sinh sống một cộng đồng người Tạng Nhĩ Tô, hiện có hơn 300 nhân khẩu. Họ cư trú trong những ngôi nhà truyền thống kết cấu bằng đá và gỗ, với phương thức sản xuất chủ yếu là canh tác nông nghiệp, kết hợp chăn thả gia súc trên núi.

Người Tạng Nhĩ Tô là một nhánh của dân tộc Tạng, chủ yếu sinh sống ở phía đông dãy núi Hoàng Đoạn và trong khu vực hành lang Tạng – Di, bao gồm các lưu vực sông Đại Độ, An Ninh và Nhã Lung. Tổng dân số của nhóm này hiện vượt quá 30.000 người.





Trang phục nam giới

Trang phục của nam giới trưởng thành người Nhĩ Tô mang đậm bản sắc dân tộc. Trên đầu, họ quấn khăn đen, được làm từ một dải vải đen dài ít nhất một trượng, quấn nhiều vòng.

Phần thân trên, nam giới mặc áo dài tay, màu trơn, dài tới mắt cá chân, thường là màu lam, chất liệu mềm mại. Eo được thắt bằng một dải thắt lưng màu đỏ tươi, sau khi buộc xong, phần thừa ở đuôi dây sẽ thả tự nhiên sang bên trái cơ thể.

Bên ngoài áo dài, họ mặc thêm một chiếc áo gile màu đen, cổ đứng và hai vạt đối xứng, viền cổ áo và mép vạt đều được gắn liền một dải họa tiết thêu thủ công.

Phần thân dưới, ngày trước thường mặc quần ống rộng màu xanh đậm, và dùng dải vải len quần chặt bắp chân. Ngày nay, đã chuyển sang mặc quần kiểu Hán hoặc kiểu phương Tây.

Về giày dép, trước kia là dép cỏ hoặc giày vải thủ công, còn hiện nay phổ biến hơn là giày cao su hoặc giày da.



Trang Phục phụ nữ

Phụ nữ người Tạng Nhĩ Tô thường quấn một dải khăn dài ít nhất một trượng, màu trắng hoặc đen trên đầu. Thiếu nữ thường dùng khăn trắng, trong khi phụ nữ lớn tuổi lại đội khăn đen.

Trang phục phần thân trên gồm hai lớp: Bên trong là áo sơ mi dài tay, bên ngoài là áo khoác ngắn màu đen có thêu hoa văn. Áo sơ mi thường có màu xanh lam, hồng, xanh lá – đều là các màu trơn, thiết kế vạt chéo, cài sang phải. Viền tay áo được thêu hoa văn, và hoa văn ở gấu áo thường đồng bộ với hoa văn ở tay áo, tạo sự hài hòa.

Chiếc áo khoác ngắn màu đen có cổ tròn, vạt chéo, và phần cổ áo cũng như đường viền trước ngực đều được thêu hoa văn tinh tế.



Quanh eo, phụ nữ thắt một dây thắt lưng dệt thủ công nhiều màu sắc, loại thắt lưng này giống với phong cách ở các vùng Tạng khác, thường là dệt màu đơn, chất liệu dày dặn và chắc chắn.

Bên ngoài dây lưng, họ còn thắt thêm một chiếc tạp dề vuông màu đen, viền xung quanh trang trí hoa văn thêu ngũ sắc, rất trang trọng và duyên dáng.

Trang phục phần thân dưới thường là quần ống rộng màu xanh lam, ngày nay phổ biến hơn với quần màu đen.

Về giày dép, trước kia thường mang giày vải tự làm hoặc dép cỏ, còn hiện nay đa số mang giày da.

Về phụ kiện, ngày trước phụ nữ thường đeo các món trang sức bằng bạc trước ngực, như nút bạc, tấm xỉa răng bằng bạc, thìa lấy ráy tai bằng bạc,...Tuy nhiên, hiện nay phần lớn đã không còn sử dụng trang sức, chỉ còn một số ít người vẫn đeo những phụ kiện giống như ở các vùng Tạng khác.

Mũ trẻ em

Trẻ em Nhĩ Tô ngày nay hầu như không còn mặc trang phục truyền thống, chỉ khi còn nhỏ, một số bé mới được đội chiếc mũ bát tiên do ông bà truyền lại.

Chiếc mũ này có nền màu đen, mặt trước được trang trí chín pho tượng thần bằng bạc. Hai bên tai mũ có dây tua rủ bằng chỉ màu, mỗi bên gắn một miếng bạc tròn cỡ đồng xu. Đỉnh mũ được chắp ghép từ các mảnh vải màu sắc để tạo thành hình các con vật nhỏ.

Phía dưới mũ còn có một sợi dây xích bạc nhỏ để cố định, cuối dây có chuông bạc nhỏ, khi đội, chuông sẽ đung đưa bên tai trái, phát ra âm thanh vui tai, vừa làm đẹp vừa mang ý nghĩa xua đuổi tà khí, bảo vệ trẻ nhỏ.

Thêu Nhĩ Tô

Thành phần quan trọng nhất trong trang phục Nhĩ Tô chính là nghệ thuật thêu truyền thống – thêu Nhĩ Tô. Các chi tiết như cổ áo, cổ tay, thân áo, thắt lưng đều được trang trí bằng họa tiết thêu.

Hiện nay, người ta thường sử dụng loại vải thêu chữ thập có sợi dọc và ngang rõ ràng, lỗ kim dễ thấy làm chất liệu nền. Kỹ thuật chính là thêu chữ thập, với họa tiết phổ biến là phong cảnh, cỏ cây, hoa lá, chim muông, côn trùng, được biến tấu thành hình học, màu sắc tươi sáng và thường được bố trí theo kiểu lặp lại hai chiều, tạo thành dải hoa văn đều đặn.

Tại những vị trí chính như cổ áo, thân trước, họ thường dùng họa tiết thêu phức tạp với nhiều lớp hoa văn lồng ghép, còn tại những vị trí dễ bị mài mòn như cổ tay, thắt lưng, thì chọn hoa văn lặp lại đơn giản hơn, vừa đảm bảo thẩm mỹ, vừa giúp tăng độ bền của trang phục.

Ngay từ nhỏ, các cô gái Nhĩ Tô đã được bà và mẹ truyền dạy nghề thêu, mọi hoa văn đều được ghi nhớ trong lòng. Họ dùng đôi tay khéo léo để luồn kim, xỏ chỉ, tạo nên những tác phẩm thêu tinh xảo và giàu tính nghệ thuật.

Năm 2016, nghệ thuật thêu của người Tạng Nhĩ Tô đã được ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp huyện của huyện Thạch Miện.



སྐད་དྲུག་ཡུལ་གྱིས་བྱམ་དང་གཙག་དྲུག་

Thieu thua và trang phục

Lam An





1 མགོ་རས།
Khăn đội đầu

2 ལུ་རིང་།
Áo dài

3 འགག་སྟོང་།
Cổ áo rờ

4 སྒྱེད་ཐུག་།
Túi bao tử

5 སྟོང་འགག་།
Áo gile

6 བང་ཁེབས།
Khăn quần eo

7 རས་ལྷམ།
Giày vải

Xã Lam An nằm ở bờ trái sông Đại Độ, cách trung tâm huyện Lộ Định 27 km về phía bắc. Đây là một bồn địa miền núi cao, có địa hình độc đáo và được bao quanh bởi núi non tứ phía. Nơi đây có độ cao trung bình khoảng 2.400 mét, với hơn 3.000 cư dân sinh sống, phần lớn là người Tạng Quý Quỳnh.

Theo ghi chép, tổ tiên của người Quý Quỳnh xưa kia sống bằng nghề du mục. Từ thời Thục Hán, họ đã trải qua nhiều lần di cư, cuối cùng định cư trên mảnh đất này, bắt đầu chuyển sang nghề canh tác và dệt vải. Kể từ đó, những người phụ nữ Quý Quỳnh đã cầm kim chỉ lên, và nghề “thêu Quý Quỳnh” cổ xưa cũng từ đó ra đời, gắn bó chặt chẽ với trang phục truyền thống địa phương, trở thành một biểu tượng văn hóa quan trọng của vùng Lam An.

Thêu thùa Lam An

Thêu Lam An có lịch sử lâu đời, hầu như phụ nữ trong mỗi gia đình ở địa phương đều thành thạo kỹ thuật thêu. Họ không cần dùng khung căng vải hay giá thêu, chỉ với mảnh vải và kim chỉ, có thể thêu bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu – thậm chí trong những lúc nghỉ tay giữa giờ lao động cũng có thể dễ dàng hoàn thành những đường thêu tinh xảo.

Thêu Lam An vừa mang đậm phong vị của thêu Tạng, lại kết hợp kỹ pháp tinh xảo của thêu Khương. Các họa tiết chủ yếu lấy cảm hứng từ núi sông, hoa lá, chim muông và côn trùng, hàm chứa nhiều ý nghĩa, tạo hình sống động, bố cục có chiều sâu, màu sắc trang nhã với sự chuyển sắc tự nhiên.

Các nghệ nhân thêu lấy thiên nhiên làm nguồn cảm hứng để thiết kế hoa văn, thể hiện những bức tranh phong phú trong không gian hạn chế. Thêu Quý Quỳnh có đến hàng chục kiểu mũi thêu khác nhau; những nghệ nhân điêu luyện còn có thể thực hiện được thêu hai mặt cùng họa tiết, thậm chí là thêu hai mặt khác họa tiết, đòi hỏi trình độ kỹ thuật rất cao.



Thêu thùa và trang phục Lam An 145



Nguyên liệu nền để thêu rất đa dạng, bao gồm da thú, da thuộc, vải bố, vải kaki, vải thô, vải pha polyester-cotton và lụa tơ tằm. Việc lựa chọn chỉ thêu sẽ tùy thuộc vào đặc tính của từng loại vải nền. Một số loại chỉ thêu thường dùng gồm có: Chỉ cotton, chỉ thêu Khương, chỉ sợi tổng hợp mô phỏng polyester và chỉ tơ tằm, trong đó chỉ tơ tằm được xem là cao cấp nhất.

Trước kia, các cô gái ở Lam An bắt đầu học nghề thêu từ năm 12 tuổi, theo chân các bậc trưởng bối để rèn luyện tay nghề. Các sản phẩm thêu không chỉ là vật dụng thường ngày, mà còn là món đồ hồi môn quan trọng trong lễ cưới hỏi của người phụ nữ. Trình độ thêu thùa cao hay thấp được xem là thước đo quan trọng để đánh giá sự giáo dỡng và vị thế của gia đình người con gái.

Trang phục phụ nữ

Trang phục của phụ nữ Lam An là hiện thân tuyệt vời cho nghệ thuật thêu truyền thống tại địa phương. Một bộ trang phục hoàn chỉnh bao gồm: khăn đội đầu, áo dài, cổ áo ròi, yếm quần eo và giày vải, tất cả đều được thêu trang trí công phu.

Khăn đội đầu là nét đặc trưng độc đáo trong trang phục của phụ nữ Lam An. Chiếc khăn này được làm từ một dải vải dài, quấn nhiều vòng quanh đầu, người địa phương gọi là “khăn vòng”. Những phụ nữ lớn tuổi thường đội khăn màu xanh lam đậm, còn phụ nữ trung niên và thanh niên thì ưa chuộng khăn trắng.

Như trong câu dân ca địa phương có hát:

“Khăn vải xanh dài ba trượng ba,
Đầu khăn, đuôi khăn thêu hoa mẫu đơn.
Chỉ cần chàng trai thật chân thành,
Thiếp sẽ thêu chàng giữa đóa hoa.”

Phụ nữ Lam An mặc áo dài màu xanh lam đậm, bên ngoài khoác thêm một chiếc “cổ áo rời” không tay, mở vạt bên phải, có màu xanh chàm. Trên chiếc cổ áo này được thêu tay họa tiết hoa dây leo vô cùng tinh xảo. Họa tiết hoa thường gồm các phần như lá hoa, dây hoa và nụ hoa.

Khi thêu, người ta đầu tiên sẽ dùng vỏ kén tằm cắt thành hình dáng cơ bản rồi dán lên vải, sau đó dùng kim chỉ để viền theo đường dây hoa, tiếp đến lần lượt thêu lá và hoa. Có bông hoa đã nở rộ, có bông vẫn là nụ hoa hồng phấn đang chớm chím, với một đường chỉ đỏ nơi đầu cánh hoa thể hiện khoảnh khắc hoa sắp nở. Ở giữa phần cổ áo rời là một bông hoa dây leo lớn, tượng trưng cho đức tính thủy chung; Ở viền tay áo, những bông hoa dây leo đại diện cho đôi tay siêng năng, cần cù; Còn họa tiết hoa chạy quanh cổ áo lại biểu trưng cho vẻ đẹp nữ tính và dịu dàng của người phụ nữ.





Yếm quần eo thường có màu xanh chàm đậm, tại bốn góc và chính giữa đều được thêu họa tiết năm cảnh hoa khác nhau, tượng trưng cho Đông, Nam, Tây, Bắc và Trung tâm, hàm ý thống nhất bốn phương và sự đoàn kết giữa các dân tộc. Phần đầu dây yếm cũng được thêu hoa văn tinh xảo. Phụ nữ thường mang giày vải, mặt giày được trang trí bằng hoa thêu thủ công, tạo nên vẻ đẹp mộc mạc mà tinh tế.

Trong những dịp lễ hội vui tươi, phụ nữ thường lựa chọn trang phục được thêu hoa rực rỡ từ đầu đến chân. Ngược lại, khi có tang sự, họ sẽ thay sang quần áo giản dị, không có hoa văn thêu, nhằm thể hiện sự trang nghiêm và kính trọng.

Trang phục đàn ông

Trang phục của nam giới Lam An cũng mang nét đặc trưng riêng. Họ thường mặc áo dài màu lam sẫm, với thiết kế giao lãnh vạt chéo, cài vạt bên phải. Phần cổ áo và cổ tay được trang trí bằng viền thêu tinh xảo, khiến từng cử chỉ, động tác đều toát lên vẻ mạnh mẽ và khí khái. Phía cổ áo có chiếc khuy áo gọi là khuy “kín cổ”, và trong những dịp lễ nghi trọng đại, chiếc khuy này nhất định phải được cài lại đầy đủ, thể hiện sự chỉnh tề và tôn trọng lễ nghi.

Chiếc túi nhỏ đeo ở vòng eo gọi là túi bao tử, là một điểm nhấn đặc sắc trong trang phục nam giới Lam An. Đây là túi đựng vật dụng cá nhân như thuốc hút, tiền bạc, dụng cụ đánh lửa,...Trước đây, túi thường được làm bằng da thú, còn ngày nay thường dùng vải nền trắng, thêu họa tiết hoa dây leo màu xanh lá, theo phong cách thêu đơn sắc, tạo cảm giác giản dị mà thanh nhã.





Khi mặc, nam giới sẽ kéo vạt áo dài hai bên hông lên, dùng dây đeo của túi bao tử để cố định lại, phần trên sẽ lật ra một góc và dùng ghim cài giữ cố định – cách mặc này giúp thuận tiện hơn khi đi lại.

Phần vạt áo hai bên tạo thành hình tam giác, trông như hai lá cờ đang tung bay, mang ý nghĩa biểu trưng cho âm và dương.

Chiếc túi nhỏ đeo ở vòng eo gọi là túi bao tử, là một điểm nhấn đặc sắc trong trang phục nam giới Lam An. Đây là túi đựng vật dụng cá nhân như thuốc hút, tiền bạc, dụng cụ đánh lửa,... Trước đây, túi thường được làm bằng da thú, còn ngày nay thường dùng vải nền trắng, thêu họa tiết hoa dây leo màu xanh lá, theo phong cách thêu đơn sắc, tạo cảm giác giản dị mà thanh nhã.

Khi mặc, nam giới sẽ kéo vạt áo dài hai bên hông lên, dùng dây đeo của túi bao tử để cố định lại, phần trên sẽ lật ra một góc và dùng ghim cài giữ cố định – cách mặc này giúp thuận tiện hơn khi đi lại.

Phần vạt áo hai bên tạo thành hình tam giác, trông như hai lá cờ đang tung bay, mang ý nghĩa biểu trưng cho âm và dương.

Bên ngoài áo dài, trước đây nam giới thường mặc thêm áo khoác ngắn bằng da thú, còn ngày nay thì phổ biến hơn là áo gile vải bố trắng với thiết kế đơn giản. Gấu áo và phần chính giữa lưng thường được thêu họa tiết sừng dê, tạo nên nét độc đáo riêng biệt. Phần quần mặc bên dưới trước kia là quần ống suông đáy rộng, đi kèm với giày da cổ ngắn hoặc dép cỏ.

Trước kia, người dân Lam An thường sử dụng một dụng cụ gọi là “bì-lặc-lặc” để vận chuyển vật nặng. Trước hết, họ dùng dây thừng để buộc chặt hàng hóa, sau đó gắn hai đầu của một dây da bản rộng vào dây thừng, rồi đeo vật nặng sau lưng, đồng thời đặt phần giữa của dây da lên trán, sử dụng trán làm điểm tựa để gánh sức nặng.

Nhờ thiết kế thông minh này, người gánh có thể đi lại trên những con đường núi gập ghềnh mà vẫn giữ được thăng bằng và rảnh tay, rất tiện lợi.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của giao thông, loại “bì-lặc-lặc” truyền thống này đã dần biến mất khỏi đời sống thường nhật, chỉ còn lại trong ký ức của người già, như một chứng tích đặc biệt trong lịch sử của Lam An.

Văn hóa thêu thùa và trang phục của Lam An, dù trải qua bao thăng trầm của thời gian, vẫn luôn tỏa sáng với ánh hào quang độc đáo trong dòng chảy lịch sử.

Từng đường kim mũi chỉ tinh xảo, từng họa tiết thêu tuyệt đẹp không chỉ thể hiện trí tuệ và bàn tay khéo léo của cha ông, mà còn ghi dấu những trang sử của dân tộc.

Đây không chỉ là niềm tự hào của người dân Lam An, mà còn là một phần di sản quý giá của nền văn minh nhân loại.



མིང་ཚིག་ཤུག་སྒྱུར་རེུ་མིག
 Hệ thống thuật ngữ

1

འདྲ་པའི་བུད་མེད་ཀྱི་གོས་ཀྱུན།
 Trang phục của phụ nữ Trát Bá

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་མེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནམ། Tiếng Việt
1	བལ་དིས།	bal dis/	Ba-đệ
2	ལ་ཐུས།	la thus/	La-đặc
3	ཕུག་པོ་བལ་དིས།	phrug po bal dis/	Triệt-ba-ba-đệ
4	ཤེར་ཐིག་བལ་དིས།	ser thig bal dis/	Sắc-đệ-ba-đệ
5	འདྲ་ནེས་བལ་དིས།	dra nes bal dis/	Trác-ni-ba-đệ
6	ནག་ནག་བལ་དིས།	nag nag bal dis/	Na-na-ba-đệ
7	སྤུ་དིས་བལ་དིས།	spu dis bal dis/	Bỏi-đệ-ba-đệ
8	ཉི་ཉི།	hri hri/	Màu vàng
9	ནིས་ནིས།	nis nis/	Màu đỏ
10	ནག་ནག	nag nag	Màu đen
11	སྐད་བཅིངས།	sked bcings/	Cáp-giang
12	གློ་ཤང་།	glo phreng /	Lạc-sáng
13	ལྷོ་དཀྱིས།	lto dkris/	Đa-triệt
14	ཆབ་མ།	chab ma/	Kháp-mã
15	ཕུག་པོ།	phrug po/	Phổ-lỗ
16	གཉའ་ཡི།	gnya' ye/	Nạp-gia
17	སྒྱ་འགག།	sta 'gag	Tang-ca
18	མགོ་འདྲེན།	mgo 'dren/	Quả-chương
19	མེ་རྟག་མེ་ལོང་།	me tog me long /	Mai-đóa-mỹ-long
20	ཁྱེད་ལུ་སྐུ་ཀ།	lcags yu skyu ka	Gia-da-kiệt-ca
21	ཡེད་ཅིང་རིས།	yed cing ris/	Da-giang-thụy

2

མི་ཉག་བྱང་མེད་ཀྱི་མགོ་རྒྱུ།

Trang sức đội đầu của phụ nữ Mộc Nhã

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནས། Tiếng Việt
1	མགོ་ཅ།	mgo cha/	Quả-hiệp
2	སྒོ་ཤེལ།	spos shel/	Hở phách đỉnh đầu
3	ཨ་ལོང་མེ་རྟག།	a long me tog	Vòng hoa nhẫn
4	མཐེབ་གོར།	mtheb gor/	Vòng ngà voi
5	རལ་བ།	ral ba/	Tóc phía sau gáy
6	རལ་ཙོར།	ral tsor/	Tua rua bím tóc
7	ན་ལུང་།	rna lung /	Khuyên tai
8	སྐེ་སྒོག།	ske sgrog	Khuy cổ
9	མགོ་སྒོ་སྐེ།	mgo spos/	Quả-phù
10	སྐེ་འཐེན།	skra 'then/	Chuỗi hồ phách
11	འགྲུ་ལ་རྟ་སྐེ་མ།	gu ya rta sga ma/	Nhẫn kiểu yên ngựa
12	ཤ་གཅིག་མ།	phra gcig ma/	Sát-cát-mã
13	ཨ་ལོང་པག་སྐེ་མ།	a long phag sna ma/	Nhẫn kiểu mũi heo
14	ལ་ཅ།	la cha/	Lạp-kháp
15	ཨ་རུ།	a rdu/	A-đức
16	པག་ས་རས།	pags ras/	Ba-thụy
17	རྒྱ་རྒྱ་ལ།	rgyan drug zhwa/	Mũ kiệt-châu
18	ཁུག་ལ།	khug zhwa/	Khố-hạ
19	རི་རྩོང་ཅི།	ri krong tsi/	Nhật-trác-trạch
20	ཚ་ལུག།	tshwa khug	Túi muối
21	སོ་ལ།	so la/	Tổ-lạp
22	སྒོ་རིལ།	glo ril/	La-nhật
23	བཅའ་བོ་སྐེ།	bca' bos/	Già-vật

ར་མི་བྱད་མེད་གྱི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục của phụ nữ Nhiên La

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་མེན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནས། Tiếng Việt
1	མགོ་ཐོས།	mgo spos/	Quả-phù
2	མཁྱེན་གྱི་མེད་པུ་མོ་	skra sgrog	Trang sức tóc bằng san hô
3	ཐེ།	the/	Thắt
4	ཏོག་	tog	Đóa
5	བྱུ་རུ་རྒྱལ་མོ་འི་ལག་ལ།	byu ru rgyal mo'i lag ya/	Cảnh san hô
6	བར་བསྐྱེད་།	bar bsring /	Đinh thác
7	ཏོག་སྐྱེད་།	tog skyor/	Đóa-cửu
8	ཐོས་ཤེལ་མཐའ་སྐྱེད་།	spos shel mtha' skor/	Viên hổ phách
9	ཐོས་གདན་།	spos gdan/	Đệm hổ phách
10	ཐོག་སྐྱེ།	thog sle/	Thác-loại
11	རྒྱ་སྐྱེ།	rna skra/	Nạp-trát
12	འོག་སྐྱེ།	'og skra/	Bím tóc
13	མཚེ།	mtshe/	Tài
14	ཁྲ་ལི།	khra li/	Trà-lạc
15	སྐྱེ་ཆུང་།	srang chung /	Thương-quỳnh
16	བར་སྐྱེ།	bar sgrog	Ngõa-trác
17	རལ་བ།	ral ba/	Nhiệt-ngõa
18	ལ་སྐྱེ།	la ske/	Lạp-cái
19	དངུལ་མེད་།	dngul rmed/	Dây đồng xu bạc
20	དངུལ་སྐྱེད་།	dngul snyed/	Vòng xu bạc
21	ལག་ཕྱིས།	lag phyis/	La-hỉ
22	སྐྱ་བ།	thu ba/	Bang-diễn
23	སྐྱ་ཁ།	thu khra/	Váy quần hoa
24	ཏེས་མ།	tes ma/	Đề-mã
25	བཞོ་འགྲུག་།	bzho 'gug	Móc treo sữa

4

མི་ཉག་སྐྱེས་པའི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục nam giới Mộc Nhã

	བོད་ཡིག་ Tiếng Tây Tạng	ལ་ཟེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནས། Tiếng Việt
1	ཡང་ལྷ།	yang zhwa/	Dương-hạ
2	རྒྱ་ལྷ།	rgya zhwa/	Mũ Ấn Độ
3	སོག་ལྷ།	sog zhwa/	Sách-hạ
4	རྒྱལ་ལྷ།	rgyal zhwa/	Gia-hạ
5	སྐྱ་ལྷུག་ཕུད།	skra lhug phud/	Búi tóc thả
6	ལ་ཅ།	la cha/	Lạp-cáp
7	ཧོར་སྐྱ།	hor skra/	Kiểu tóc Hoắc-nhĩ
8	གཤམ་ཅམ།	gab chab/	Dây ca-ô bằng bạc
9	དོར་ལྷུག་འཕེན།	dor lhug 'phen/	Đa-lỗ-sính

བཟུང་ཟུར་བུད་མེད་ཀྱི་གོ་ས་རྒྱུ།
Trang phục nữ giới Cừu Long

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ན་མ། Tiếng Việt
1	ལྷ་ལོག	zhwa log	Hạ-la
2	སྟོད་ཕོག	stod phog	Đông-ba
3	སྟོད་འབོག	stod 'bog	Đông-ba
4	ན་ལ།	b+ha la/	Ba-la
5	ཡང་ལི་ཁྲ་མོ།	yang li khra mo/	Dương-lạc-trà-mặc
6	ཕུ་པ་འབའ་རྗེས།	phyu pa 'ba' rjes/	Áo choàng ba-cát
7	ཅི་པོ།	tshi po/	Bang-điểm

6

མི་གཞི་བོད་ལྷན་

Giày Tạng Mộc Nhã

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐིན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	ཐིན་ལྷན་ Tiếng Việt
1	འགོག་རི།	'gog ri/	Quả-nhiệt
2	ལྷ་རི།	lham ri/	Thân giày
3	ལོང་མོ།	long mo/	Phần trên ủng
4	སྐྱ་ཁེབས།	sna khebs/	Đường may giữa ủng
5	ལྷ་སྐྱ།	lham sna/	Mũi giày
6	ལྷ་མཐིལ།	lham mthil/	Đế giày
7	རྟོག་པ།	rdog pa/	Đóa-ba
8	འགག་སྐྱ་ན།	'gag stan/	Ca-đan
9	ལུ་རི།	mu ri/	Phần dưới
10	སྐྱ་པ།	skam pa/	Cam-ba
11	ཕྱི་མཆེ།	phyi mche/	Sợi phía sau bấp chân
12	ཁ་སྐྱེང།	kha steng /	Ca-đông
13	ཡ་ཡུ།	ya yu/	Cổ giày (ủng)
14	རས་མགོ་མ།	ras mgo ma/	Giày tu sĩ
15	ལྷ་རྟོང་།	lham rgyong /	Khuôn gỗ

འབག་གོས།

Trang phục Ba Quả

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་བེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནམ། Tiếng Việt
1	འབག་གོས།	bag gos/	Ba-quả
2	རི་ཁྲོང་ཅི།	ri krong tsi/	Nhật-trắc-trạch
3	རྒྱལ་ལྷ་ལྷ།	rgyan drug zhwa/	Mũ kiết-châu
4	ཧོར་ལྷ།	hor zhwa/	Mũ Hoắc-nhĩ
5	ལྷ་རྒྱལ།	zhwa rkub/	Đáy mũ
6	དངུལ་ལྷ།	dngul zhwa/	Mũ bạc
7	ལ་ལྷ།	lany+dza/	Lạp-táp
8	ར་ཕུ་ཏ།	ra pu ta/	Nhật-trắc-trạch
9	དངུལ་ཕོག	dngul phog	Quả bạc
10	བོད་མགོ་སུམ་སྐ།	bod mgo sum skra/	Tóc ba lọn Phiên-quả
11	རྒྱ་མགོ་སུམ་སྐ།	rgya mgo sum skra/	Tóc ba lọn Gia-quả
12	སྟོང་འབྲེག	stod 'bog	Đông-ba
13	སུལ་ཤོ་ལུ།	sul sho khu/	Tự-tự-kha
14	ཆོས་ཤོ་ལུ།	chos sho khu/	Cầu-tự-kha
15	ཤོ་ཤོ་ལུ།	sho sho khu/	Tự-tự-kha
16	ཁྲོ་ནེས་འབག་གོས།	khro nes 'bag gos/	Ba-quả sơ-ni
17	ཟོ་ནེས་འབག་གོས།	zo nes 'bag gos/	Ba-quả sách-ni
18	ཟི་པོ་རྟོག་རྟོག	zi po rdog rdog	Sắc-bổ-đóa-đóa
19	ཆོས་པ་འབག་གོས།	tshos pa 'bag gos/	Sắc-ba-ba-quả
20	ཕུག་འབག་གོས།	phrug 'bag gos/	Áo choàng phổ-lỗ
21	དུང་ཆབ་མ།	dung chab ma/	Thắt lưng hạt trai
22	རྒྱ་ཁ་སྐ་རྒྱ་རྒྱ།	rgya khra ska rags/	Thắt lưng Gia-sát
23	ཁ་པ་ལུ་ཁ་པ་ལུ།	khab shubs kha gzar/	Ca-tạ-ca-tát
24	བཅའ་བོས།	bca' bos/	Già-vật
25	བོད་ལྷ་སྐ་ལྷ་ལྷ།	bod lham sna 'khyil ma/	Bốt cao cổ Tạng
26	ལ་ལྷ་སྐ་ལྷ་ལྷ།	lany+dza ske 'khor/	Lạp-táp-cáp-quát
27	པ་བུས།	pha bshus/	Bạch-hĩ
28	མགོ་ཀོ།	mgo ko	Quách-quả

8

ཐང་ཁོ་ལྷ་མོ་མེད་ཀྱི་གོ་ས་རྒྱུ།

Trang phục của phụ nữ Lạp Nhật Mã

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐིན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	ཡིད་ན་མ། Tiếng Việt
1	མགོ་ཐོས།	mgo spos/	Quả-phù
2	ཐོག་སྒེ།	thog sle/	Thác-loại
3	སྒྲ་ནག་ལུ་སྒེ།	skra nag sum sle/	Bím tóc đen ba lộn
4	ན་སྒྲ།	rna skra/	Nạp-trát
5	ཐོད་འཕངས།	thod 'phangs/	Thác-bàng
6	ཁྲ་ལི།	khra li/	Trà-lặc
7	རྒྱ་ལུང་།	rgya lung /	Gia-long
8	སྒྲ་སྒོག་	skra sgrog	Trang sức tóc làm bằng san hô
9	ལུ་འུ་ཐེ།	lu 'u the/	Lạc-ngạch-thắc
10	སྒྲ་དྲི་སྒྲ།	skra dkris/	Gia-cát
11	བྱ་ལུང་།	bya khyung /	Hạ-quỳnh
12	ཐུ་དམར།	thu dmar/	Hồng bang-diễn
13	ཏེ་ས་མ།	tes ma/	Đế-mã
14	མཆེ་བ།	mche ba/	Gia-ngõa
15	ཐོད་ཤུབས།	thod shubs/	Thác-hư

རྟུ་འི་རིང་མོའི་སྐྱ་ཚུགས་དང་གོས་རྒྱ།

Kiểu tóc và trang phục của phụ nữ nông thôn Đạo Phù

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐིན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནས། Tiếng Việt
1	བསྐལ་གོ	bslas go	Lệ-quả
2	དབུ་སྐྱ།	dbu skya/	Ốc-gia
3	སྐྱ་མཐུད།	skra mthud/	Dây tết bím tóc
4	སྐྱ་གཙུག་	skra gcu/	Trát-cát
5	སུ་ཀར་གཙུག་	su kar gcu/	Tư-ca-nhi-cát
6	སྐྱ་ཤུབས་དྲུ་རྒྱ་མ།	skra shubs drwa rgya ma/	Lưới tóc
7	ལུང་ཐང་།	lung thang /	Khuyên tai
8	ཟི་བད་མ།	zi brda ma/	Sắc-đạt-mã
9	འགག་རིང་།	'gag ring /	Ca-nhung
10	ཕྱེང་བཅད།	phreng bcad/	Xương-giai
11	བརྩ་ཚར།	bcu tshar/	Máy đếm
12	སྐུ་མ་རྩ་ག་འཐག་	spu ma rtsag 'thag	bố-mã-tạp-đạp
13	ཀོ་ཙི་འི་ལམ་	ko tsi'i lham/	Giày quả-tắc

10

ཉག་རོང་སྐྱེས་པའི་སྐྱ་ཚུགས།

Kiểu tóc nam giới Tân Long

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་མེན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	ཕྱིད་ནས། Tiếng Việt
1	སྐྱ་འཕན་དམར་པོ།	skra 'phan dmar po/	Tua rua màu đỏ
2	ཚགས་རལ།	tshogs ral/	Thỏ-nhiệt
3	ཧོར་སྐ།	hor skra/	Hoắc-trát
4	ཨ་རལ།	a ral/	A-nhiệt
5	ཐོག་བསྐས།	thog bsas/	Thác-loại
6	ཟུར་སྐ།	zur sle/	Sắc-loại
7	ཕྱོགས་སྐ།	phyogs sle/	Tu-loại
8	སྐ་དྲིས།	skra dkris/	Trác-cát
9	སྐ་ལྷུག་ཕུད།	skra lhug phud/	Búi tóc thả xoắn
10	ཉག་སྐ།	nyag skra/	Nạp-trát
11	གོ་འཛོད་དྲི།	go 'jo dkri/	Cổng-giác-chiết
12	སྐ་འབྲ།	skra 'ju/	Trác-kiệt
13	ཨ་རུ།	a rdu/	A-đức
14	སྐ་ལྷག།	skra ltag	Trác-đạt
15	མགོ་དྲིས།	mgo dkris/	Quả-cát

ཉག་རོང་སྟོད་མའི་བུད་མེད་ཀྱི་སྐྱ་ཚུགས།
Kiểu tóc nữ giới thượng chiêm Tân Long

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐིན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	ཐེང་ནས། Tiếng Việt
1	ཨ་རལ།	a ral/	A-nhiệt
2	ཨ་རལ་ཁོག་རྩ་ལྷང་ལོ།	a ral khog rtsa lcang lo/	A-nhiệt-khẩu-táp-giang
3	གཙར་རྒྱལ་མགོ།	gzar rgyab mgo/	Tát-gia-quả
4	རྒྱལ་སྐྱ།	rgyab skra/	Gia-trát
5	ཐོག་སྐྱ།	thog skra/	Thác-trát
6	རྩ་སྐྱ།	rna skra/	Nạp-trát
7	མགོ་དཀྱིལ།	mgo dkyil/	Quả-cát
8	ལུ་ཁྱ་ཐེ།	lu 'u the/	Lạc-ngạch-thắc
9	ཐོད་ཤུབས།	thod shubs/	Thác-huru
10	མ་ཆས།	ma chas/	Ma-thiết
11	ལུར་ཤུབས།	zur shubs/	Tư-huru
12	སྐྱ་འོར།	skra 'or/	Trác-âu

12

མིང་སྐད་མི་ཉག་བའི་གོས་རྒྱ།

Trang phục dân tộc Tạng Thạch Miên Mộc Nhã

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐེན་ཡི་གེ Chuyển đổi sang chữ Latinh	མེད་ནས། Tiếng Việt
1	མགོ་རས།	mgo ras/	Khăn trùm đầu
2	ཕ་ནེ་ཅི།	pha ne tsi/	Bàn-nữ
3	འགག་ཉོད།	'gag stod/	Áo khoác ngoài
4	པང་ཁེབས།	pang khebs/	Khăn quấn eo
5	མུས་ཀོ་ལོ།	mus ko lo/	Áo mề quai

མིང་སྐད་ཨེར་སུག་པའི་གོས་རྒྱུ།

Trang phục dân tộc Tạng Thạc Miên Nhĩ Tô

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐིན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	མིང་གསུམ་གྱི་ Tiếng Việt
1	མགོ་རས།	mgo ras/	Khăn quấn đầu (头帕)
2	འགག་སྒོད།	'gag stod/	Áo gile
3	རྩལ་ལེན་པིང་པོ།	rngul len ring po/	Áo dài
4	རྩལ་ལེན།	rngul len/	Áo sơ mi
5	སྐད་རགས།	sked rags/	Thắt lưng
6	པང་ཁེབས།	pang khebs/	Yếm quấn eo
7	རས་ལྗམ།	ras lham/	Giày vải
8	ངང་སྐྱོང་ལྷ་མོ།	drang srong zhwa mo/	Mũ bát tiên

14

སྒང་ཐུག་ཡུལ་གྱིས་རྒྱན་དང་གཙག་ཐུབ། Thieu thua và trang phục Lam An

	བོད་ཡིག Tiếng Tây Tạng	ལ་ཐེན་ཡིག Chuyển đổi sang chữ Latinh	ཐིེན་ནས། Tiếng Việt
1	མགོ་རས།	mgo ras/	Khăn trùm đầu
2	ལཱ་རིང་།	l+wa ring /	Áo dài
3	འགག་སྟོང་།	'gag stod/	Cổ áo rời
4	པང་ཁེབས།	pang khebs/	Khăn quấn eo
5	རས་ལྗམ།	ras lham/	Giày vải
6	སྐད་ཁུག་	sked khug	Túi bao tử
7	སྟོང་འགག་	stod 'gag	Áo khoác ngoài
8	ཕི་ལི་ལི།	phi li li/	Bì-lặc-lặc



khenposodargye.org



Chỉ giới hạn trong phạm vi sử dụng phi thương mại